

Tập truyện ngắn Agatha Christie

Nguồn: tập hợp, sưu tầm từ internet

- 1. Mất tích**
- 2. Người phá tổ ong**
- 3. Sự thật đằng sau cái chết**
- 4. Xâu chuỗi ngọc trai**
- 5. Án mạng đêm cuối năm**
- 6. Chiếc cốc bằng vàng**
- 7. Chiếc rương oan nghiệt**
- 8. Thừa một chứng tích phạm tội**
- 9. Vụ mất cắp một triệu đôla bằng trái phiếu**

Mất tích

Agatha Christie

Vào một buổi chiều thứ bảy đẹp trời, ông Davehem, một chủ ngân hàng tên tuổi, bước ra khỏi nhà và không trở lại nữa. Ông ta đã mất tích.

Sáng nay, tôi và thám tử Poirot ngồi bên bàn trà chờ một người bạn là thanh tra Jack. Ông này đến trễ và phân bua:

- Xin lỗi, tôi bận việc với thanh tra Mile, người chịu trách nhiệm về vụ mất tích của ông Davehem.

Thám tử Poirot cười cười:

- Mất tích? Theo anh thì vụ mất tích này thuộc vào loại nào?

- Loại nào? Anh nói gì? Tôi không hiểu.

- Anh không biết sao? Này nhé, có ba loại mất tích. Loại một, thường thấy nhất, đó là tự ý mất tích. Loại hai là bị giết rồi giấu xác, loại thứ ba hiếm hơn, đó là trường hợp những người mất trí, bỏ nhà ra đi một cách vô ý thức.

- Như vậy thì theo tôi, một người tên tuổi như Davehem rất khó che đậy tai mắt mọi người. Nếu ông ta đã bị giết, sớm hay muộn, cảnh sát sẽ phát hiện. Còn ông ta bỏ nhà ra đi ư? Với các phương tiện giao thông hiện đại, rất khó mà...

- Chưa chắc đâu. Một người khi đã quyết định làm mất tích người khác hoặc chính mình, hẳn sẽ đặt ra những phương án rất chặt chẽ để đánh lừa cảnh sát.

Thanh tra Jack cười nheo mắt:

- Cảnh sát thì có thể, nhưng còn Poirot, hẳn dám giỡn mặt hay sao chứ?

Poirot khiêm tốn:

- Sợ gì mà không dám, mặc dù tôi có những phương pháp điều tra rất khoa học.

- Ông Mile cũng vậy, đúng là một con cáo già trong ngành cảnh sát. Ông ta sẽ không bỏ qua một chi tiết nào, dù nhỏ nhất.

- Đúng. Trong cuộc điều tra, mọi chi tiết đều có giá trị, một chút tàn thuốc, một mẩu bánh mì, một vết nhỏ hoặc một sợi tóc trên gối... Giác quan rất dễ đánh lừa ta. Sự thật thường ở bên trong hơn là ở bên ngoài.

- Ý anh nói là anh có thể khám phá ra sự thật mà không cần phải ra khỏi nhà?

- Đúng. Nếu những người liên quan không giấu diếm sự thật.

Thanh tra Jack xoa hai tay vào nhau:

- Tôi đánh cược 5 bảng Anh là anh không thể tóm cổ được ông Davehem dù sống hay đã chết sau một tuần lễ, kể từ hôm nay.

- Anh hãy kể rõ ràng cho tôi nghe nào. Biết đâu đấy!

Thanh tra Jack tăng hăng:

- Thứ bảy vừa qua, vào lúc 12 giờ 40 phút, ông Davehem đáp chuyến xe lửa từ Victoria đến ngôi biệt thự của ông ở vùng Sinsai. Ông hoàn toàn bình thường. Sau khi uống trà vào buổi chiều, ông dạo một vòng quanh vườn rồi bảo vợ: "Tôi sang làng bên bỏ mấy lá thư, nếu có một ông tên Lowen đến tìm tôi thì bảo gia nhân đưa vào phòng làm việc của tôi, chờ tôi một lát".

Rồi ông bước qua cửa chính, ra vườn, khuất sau cánh cổng. Chừng mười lăm phút sau, một ông già xưng tên Lowen đến và được đưa vào phòng làm việc của ông Davehem. Một giờ trôi qua, ông Davehem vẫn mất tăm. Không thể chờ lâu hơn, ông Lowen tỏ ý tiếc và cáo từ. Bà Davehem đành xin lỗi, tiễn ông ra cổng. Hôm sau, tức là ngày chủ nhật, gia đình ông Davehem báo cảnh sát nhưng cảnh sát không thể tìm ra ông. Hình như ông đã tan biến vào không gian. Chả ai trông thấy ông cả, trên đường làng cũng như ở nhà bưu điện. Nhân viên nhà ga khẳng định, ông không đáp xe lửa. Xe riêng của ông cũng không rời ga, và nếu ông ta có thuê xe thì chắc chắn tài xế phải báo lại để được lãnh món tiền thưởng hậu hĩnh. Ngoài ra hôm đó, cách nhà ông Davehem có tổ chức đua ngựa, nếu trà trộn vào đám đông để lên xe lửa tại chỗ này thì có thể không ai nhìn thấy ông.

- Một chi tiết hay đấy. Còn gì nữa không?

- Một sự việc bất ngờ xảy ra vào sáng hôm thứ hai: chiếc két sắt sau bức tranh nơi phòng làm việc của ông Davehem bị lục tung. Các cửa sổ đều chốt bên trong, chứng tỏ kẻ gian không thể từ bên ngoài đột nhập vào, trừ khi có nội ứng. Có thể vụ phá két xảy ra hôm thứ bảy, nhưng đến thứ hai mới được khám phá.

Poirot ngắt lời:

- Thế người ta có bắt ông Lowen không?

- Cảnh sát đang theo dõi ông ta rất chặt chẽ.

- Tình trạng chiếc két sắt như thế nào?

- Bị vết sạch. Bà Davehem khai rằng hình như trong két có nhiều ngân phiếu lớn, một số tiền mặt khổng lồ và rất nhiều nữ trang. Dạo này, chồng bà thường mua nhiều đồ trang sức quý giá.

- Chà, mẻ lưới lớn quá! Còn ông Lowen? Ông ta đã khai gì với cảnh sát?

- Hình như quan hệ giữa ông ta và ông Davehem không được tốt đẹp lắm. Lowen là một kẻ đầu cơ, đã nhiều lần qua mặt ông Davehem. Từ lâu họ không còn liên lạc với nhau nữa. Lần này, ông chủ ngân hàng Davehem hẹn gặp Lowen vì những cổ phần ở Nam Mỹ.

- Ông Davehem có những quyền lợi ở Nam Mỹ.

- Bà Davehem xác nhận là mùa thu vừa qua, bà có đi nghỉ ở đó.

- Hai ông bà có hạnh phúc không?

- Cũng bình thường. Bà Davehem không được thông minh lắm nhưng khá tốt.

- Ông Davehem có kẻ thù không?

- Ông ta có nhiều đối thủ, nhưng họ không giết ông ta đâu. Thời buổi này giấu xác chết đâu có dễ! À, còn việc này nữa, bác làm vườn khai rằng, hình như có ai đó đi từ phòng làm việc của ông Davehem ra vườn. Lúc đó, bác đứng quá xa nên không chắc bóng người đó có phải là ông Davehem không.

- Ông Davehem rời nhà lúc mấy giờ?

- Khoảng 5 giờ rưỡi.

- Phía ngoài vườn còn có gì không?

- Một cái hồ, một kho chứa xuồng trong đó có hai trăm chiếc. Anh nghĩ rằng ông ta tự tử ư? Anh yên tâm đi. Ngay ngày mai, thanh tra Mile sẽ cho tát hồ, dùng kính lúp soi từng cuống rong rêu.

Poirot cầm tờ báo mới phát hành, nhìn kỹ hình ông Davehem đăng nơi trang nhất, lẩm bẩm:

- Tóc quăn dài, râu rậm, cằm nhọn, lông mày chổi xể, mắt đen... Vụ việc phức tạp đấy. Nhưng đó là dấu hiệu tốt. Nếu tất cả đều rõ như ban ngày thì coi chừng, anh đang bị đánh lừa đấy. Chỉ cần anh cho biết những dữ kiện thu lượm được, đặc biệt là kết quả điều tra của ông Mile, tôi sẽ tìm ra ông Davehem cho anh.

Jack ra về. Thám tử Poirot nhìn tôi, hóm hỉnh:

- Hình như anh bạn không tin tôi lắm? Nói đi nào, chúng ta sẽ cùng xem xét các dữ kiện.

- Anh nghĩ sao về hồ nước? Cả kho chứa xuồng nữa?

Poirot nở nụ cười khó hiểu, không đáp.

oOo

Tối hôm sau, khoảng 9 giờ, thanh tra Jack trở lại. Poirot vồn vã:

- Có gì lạ không, anh bạn? Nhưng nói trước là tôi không tin rằng quý vị đã vớt được xác ông Davehem từ trong hồ đâu nhé.

- Gần đúng. Không phải xác nhưng người ta đã tìm thấy trong hồ bộ quần áo mà

ông Davehem đã mặc hôm mất tích. Anh nghĩ thế nào?

- Anh cứ nói tiếp đi.

- Chúng tôi đã bắt Lowen. Cô hầu phòng khai rằng, cô đã thấy ông ta quanh quẩn trong vườn trước khi rời biệt thự. Còn một việc quan trọng nữa, chiều thứ bảy hôm đó, người ta bắt gặp Kolet, một tên vô lại có tiền án cướp giật, móc túi, vào một hiệu cầm đồ ở London để cầm một chiếc nhẫn mặt ngọc, sau đó nhậu nhẹt, gây sự đánh lộn làm náo động cả hàng quán. Rốt cuộc, y bị cảnh sát tóm cổ. Chúng tôi đã xác định, chiếc nhẫn mặt ngọc là của ông Davehem. Tên Kolet đã khai như sau: "Hôm thứ bảy, y đến trường đua để móc túi nhưng không gặp vận may. Lúc quay về, ngồi nghỉ sau một đồng đá, y nhìn thấy một ông quý tộc da nâu, ria mép, từ xa đi đến. Ngang qua chỗ y nấp, ông này rút trong túi ra một vật nhỏ ném xuống đất rồi đi về phía nhà ga. Y đến lượm lên và mừng rỡ vì nhận ra đó là chiếc nhẫn quý". Nhưng theo tôi, chính tên này đã giết Davehem để cướp của.

Poirot lắc đầu:

- Không đúng đâu. Nếu ông Davehem bị giết thì từ đó đến nay người ta đã tìm thấy xác rồi. Hơn nữa, một tên móc túi hạng bét không bao giờ dám giết người cả, lại còn đi cầm chiếc nhẫn công khai nữa chứ.

- Lời khai của Kolet về người đàn ông liệng chiếc nhẫn giống hệt Lowen. Tuy nhiên, điều này rất phi lý, chẳng lẽ Lowen không tìm cách nào tốt hơn để phi tang chiếc nhẫn sao.

Tôi thắc mắc:

- Tại sao Lowen cần phải rút chiếc nhẫn ra khỏi tay nạn nhân?

Jack giải thích:

- Có lý do đấy. Ngay phía sau hồ có một hố vôi tôi. Vôi có thể làm tiêu xác người nhưng không ăn mòn được chiếc nhẫn.

- Trời ơi, nếu đúng như vậy, xác ông Davehem đã... quả là một án mạng khủng khiếp.

Thám tử Poirot vẫn điềm tĩnh:

- Xin anh cho biết, ông bà Davehem có ở cùng phòng không?

Câu hỏi lạc đề một cách ngớ ngẩn. Thanh tra Jack cố nén cười.

- Tôi không rõ lắm. Anh cần biết vụ này lắm sao?

- Rất cần. Anh giúp tôi được chứ?

- Nếu anh muốn.

- Tôi rất cảm ơn nếu được anh cho biết sớm.

Poirot chìm trong sự suy tưởng. Không muốn quấy rầy bạn, tôi lấy giấy ra ghi chép. Một lát, Poirot vỗ vào vai tôi.

- Anh bạn đang làm gì vậy?

- Tôi ghi những nhận xét của tôi. Anh có muốn tôi đọc không?

- Đương nhiên.

- Thứ nhất, Lowen đã phá kết, thứ hai nếu Kolet kể đúng, chính Lowen có liên quan đến vụ mất tích của ...

Poirot ngắt lời:

- Thật đáng buồn. Rõ ràng là anh không có năng khiếu suy luận. Lowen không thể biết trước sự vắng mặt của ông Davehem, mà nếu ông ta muốn lợi dụng thời cơ đi nữa, thì ông ta cũng không thể mở kết sắt được. Muốn phá kết sắt phải có đồ nghề của dân chuyên nghiệp chứ.

- Còn giả thiết thứ hai của tôi?

- Điểm này anh nói không được rõ ràng lắm. Liên quan như thế nào? Tại sao anh không chú ý đến hai điểm quan trọng này nhỉ. Thứ nhất là, thời gian gần đây, ông Davehem mua rất nhiều đồ trang sức, thứ hai là, mùa thu vừa rồi, ông ta có đến

Nam Mỹ. Đó là lý do tôi đã đặt câu hỏi: "Ông ta và vợ có ở chung phòng không?", tôi đang chờ thanh tra Jack trả lời đây.

Ngày hôm sau, thám tử Poirot nhận được câu trả lời: "Từ mùa đông vừa qua, hai ông bà Davehem ngủ riêng".

Poirot reo lên: "Thế là rõ", rồi ông hỏi tôi:

- Anh không có tiền gửi ở ngân hàng Davehem chứ?

Tôi lắc đầu. Poirot tiếp:

- Hay quá. Vậy nhờ anh đánh giùm cho tôi bức điện gửi thanh tra Jack: "Hãy rút tiền khỏi ngân hàng Davehem trước khi quá muộn".

Tôi làm theo lời Poirot tuy lòng đầy nghi hoặc. Nhưng hai ngày sau, tôi mới thấy rõ tài đoán như thần của bạn tôi. Các báo đều loan tin vụ phá sản chấn động của ngân hàng Davehem. Sự mất tích của Davehem mang một chiều hướng mới khi người ta khám phá ra nhiều vụ làm ăn bê bối của ngân hàng này.

Khi chúng tôi đang dùng cơm thì thanh tra Jack cầm tờ báo tung cửa chạy vào:

- Poirot, anh là phù thủy chắc?

Poirot cười:

- Sau khi nhận được câu trả lời của anh, tôi tin là mình nghĩ đúng. Ngay từ đầu, vụ phá kết sắt đây vẻ giả tạo, rồi bao nhiêu tư trang, vàng bạc biến mất quá dễ dàng! Tôi nghi là ông Davehem đã đem hết tiền bạc mua nữ trang nhưng lại thay đồ giả vào kết sắt. Bằng cách đó, ông ta chuyển được một tài sản khổng lồ dưới một tên giả đến một chỗ bí mật, chờ khi có điều kiện sẽ thừa hưởng. Sau khi chuẩn bị xong, ông mở kết sắt rồi hẹn gặp Lowen để trút hết tội lỗi lên đầu đối thủ của mình. Trong khi đó, ông ta ra đi. Đi về đâu nhỉ?

Thanh tra Jack sốt ruột:

- Tôi muốn biết ông Davehem hiện trốn ở đâu? Anh đừng dài dòng nữa.

- Ông ta đi đến nơi cần phải đến. Đó là chỗ ẩn náu bất ngờ nhất. Quả là một người có trí tuệ hảo hạng.

- Khổ quá, hay hãy nói đi nào.

Poirot nhìn tôi:

- Anh bạn thân mến, nếu anh ở vào địa vị ông ta, anh sẽ trốn ở đâu?

Tôi nói không suy nghĩ:

- Tôi sẽ ở ngay London, một đô thị đông người và tôi sẽ lẫn vào đám đông ấy. Không đâu an toàn bằng ở giữa đám đông.

Thám tử Poirot đưa mắt nhìn thanh tra Jack:

- Còn anh?

- Tôi không đồng ý. Nếu tôi sang đoạt được một số tài sản khổng lồ như vậy, tôi sẽ biến thật xa đến tận cùng trời cuối đất.

Ngưng một lúc, Jack giục:

- Anh cũng phải nói ý kiến của mình đi chứ.

- Tôi ấy à? Nếu cần trốn cảnh sát, tôi sẽ chạy thẳng vào tù.

- ...

- Các anh truy lùng ông Davehem để tống vào nhà giam nhưng không bao giờ các anh vào trong nhà giam để tìm bắt ông ta. Anh nói bà Davehem kém thông minh, nhưng nếu anh đưa bà ta vào nhà tù gặp Kolet, bà ta sẽ nhận ra chồng mình ngay, dù bây giờ râu ria ông ta bồm xồm, đầu tóc bù xù, quần áo te tua.

- Kolet? Anh nói cái gì? Đó là một tên vô lại có tiền án đã được ghi tên vào sổ đen.

- Tôi chả nói với anh, Davehem cực kỳ thông minh sao? Hắn đã chuẩn bị việc này từ lâu. Mùa thu năm rồi, hắn không đi Nam Mỹ, mà ở lại để tạo ra nhân vật Kolet,

tên này quậy tùm lum rồi ngồi tù ba tháng. Đến khi cần trốn, Davehem lại trở thành Kolet để được vào tù. Hắn đã chơi một canh bạc lớn, nếu được, hắn sẽ có trong tay một tài sản khổng lồ. Vậy thì vài tháng trong nhà giam có là bao. Năm ngoái khi ở tù ra, hắn đã đeo râu tóc giả để trở thành Davehem. Nhưng đeo râu tóc giả rất khó chịu, nên chẳng tội gì nằm cạnh vợ cho phiền, nhất định hai người phải ngủ riêng phòng, thế là giả thiết của tôi phần nào ăn khớp. Bác làm vườn nói đã thấy người từ trong phòng ông chủ đi ra, đó chính là Davehem đã ra nơi để xuống sau khi mặc bộ đồ của Kolet và quăng áo quần mình xuống hồ. Sau đó, theo kế hoạch, hắn công khai cầm nhẫn, đánh lộn để được tống giam một cách an toàn.

- Ồ... không thể tin được.

- Vậy thì hãy yêu cầu bà vợ Davehem đến nhận diện.

Hôm sau, Poirot nhận được một phong thư của thanh tra Jack, bên trong có 5 bảng Anh. Ông bạn của tôi cười:

- Khốn khổ, tôi lại được cuộc nữa rồi. Thế này nhé, chiều nay ba chúng ta sẽ chén một bữa ra trò.

Người phá tổ ong

Tác giả: **Agatha Christie**

Vào một buổi chiều đẹp trời tại ngôi làng xinh đẹp vùng ngoại ô, thanh tra Poirot thong thả đếm bước trên con đường cát mịn dẫn đến ngôi biệt thự nên thơ có vườn hồng bao quanh.

Đứng trước cánh cổng gỗ sơn trắng, Poirot đưa tay bấm chuông. Chính chủ nhân - John Harisson - ra mở cửa cho ông. Đó là một người đàn ông trung niên, cao lớn, khá bảnh trai, tuy nhiên nước da không được tốt, mai mái xanh như người có bệnh. Ông ta vui mừng khi nhận ra Poirot:

- Ôi anh Poirot, ngọn gió nào đưa rông đến nhà tôm vậy?
- Tôm đến nhà rông thì đúng hơn. Vườn hồng của anh đẹp quá.

Harisson chỉ vào bộ bàn ghế mây đặt dưới giàn hoa thiên lý:

- Anh ngồi chơi để tôi vào trong tìm cái gì uống cho vui.
- Anh cho tôi một ly sô đa không whisky.

Harisson trở ra ngay:

- Hôm nay anh rảnh rồi để đi du ngoạn đấy à? Anh làm tôi ngạc nhiên quá.
- Không đâu, tôi đang trên đường đi điều tra một vụ án.

Harisson nhìn Poirot:

- Có nghiêm trọng lắm không?
- Hết sức nghiêm trọng, vì đây là một vụ giết người.
- Trong vùng này ư?

Poirot gật đầu. Harisson nhún vai:

- Vậy thì anh lầm rồi. Suốt tuần nay tôi ở nhà nhưng không nghe một tin tức gì về vụ án cả.
- Đúng. Vì vụ giết người chưa xảy ra và bốn phạm của tôi là ngăn chặn tội ác đó.

Một vài con ong vò vẽ bay lảng đãng trên những cánh hồng. Poirot nhìn về phía chạc cây gần hàng hiên:

- Tổ ong khá lớn đấy, phải phá đi thôi.

Câu chuyện đột ngột xoay sang hướng khác. Harisson gật đầu:

- Tôi cũng có ý định như vậy nên đã nhờ Linston làm việc này. Anh nhớ Linston chứ, anh chàng đã từng có mặt trong bữa ăn dạo chúng ta vừa mới quen nhau đó.

- Tôi nhớ rồi. Vậy anh định diệt tổ ong bằng cách nào? Có dùng Cyanur Kali không?

- Không, đó là loại thuốc độc giết người rất nguy hiểm. Linston chỉ cần phun xăng vào tổ ong là đủ.

- Anh có tin là Linston sẽ dùng xăng để diệt tổ ong không?

- Sao anh lại nói thế?

- Vừa rồi tôi có ghé cửa hàng bán thuốc, tình cờ thấy trong sổ có ghi tên Linston mua một lượng Cyanur đáng kể.

- Ủa, chính anh ta cam đoan với tôi là không bao giờ dùng chất độc để diệt tổ ong cơ mà.

Poirot im lặng nhìn ngắm những cánh hồng lung linh trong gió. Một lát, ông quay sang Harisson, nhìn chăm chú:

- Anh có cảm tình với Linston không?

- Tôi... sao anh lại hỏi kỳ cục vậy?

- Xin lỗi anh, tôi muốn nói với anh một sự thật. Anh nên đề phòng, Linston có thể giết anh đấy. Anh là tình địch của anh ta kia mà. Có đúng thế không?

- Đúng nhưng mà... không. Molly yêu tôi và đồng ý lấy tôi mà.

- Nhưng cô ấy trước kia là người yêu của Linston.

- Poirot, tôi cam đoan là anh đã lầm. Linston là người quân tử. Dù biết Molly bỏ rơi anh ta để lấy tôi, anh ta vẫn bình tĩnh giữ hòa khí giữa chúng tôi.

- Một con người kín đáo thường nuôi lòng thù hận sâu sắc, chờ cho đến lúc thuận tiện...

Harisson lắc đầu mỉm cười:

- Không có đâu!

Thanh tra Poirot chợt nổi nóng:

- Người Anh các anh thật là kỳ cục. Các anh tưởng mình có khả năng lừa thiên hạ thì luôn luôn tốt bụng không hề biết trả đũa là gì. Các anh ngây ngô quá, coi chừng uổng mạng vô ích đấy.

- Nghĩa là anh muốn tôi cảnh giác, đề phòng Linston? Cảm ơn anh, nhưng người Anh chúng tôi không phải lúc nào cũng muốn cầm dao vào lưng tình địch của mình. Anh hoàn toàn không hiểu Linston, anh ta không bao giờ hạ thấp nhân phẩm của mình bằng cách đầu độc kẻ khác. Anh ta lại hiền lành, một con ruồi cũng không muốn đập nữa là.

- Nhưng Linston sắp giết chết hàng ngàn con ong. Tôi xin hỏi anh một câu, mấy giờ anh ta đến đây để diệt tổ ong?

- Đúng chín giờ tối nay, nhưng anh Poirot à...

- Thôi, tôi có việc phải đi ngay. Linston có dùng Cyanur hay không thì mặc xác anh ạ. Tối nay tôi sẽ đến, tôi rất thích xem diệt tổ ong. Chắc đó là một môn thể thao mới của người Anh.

Không đợi bạn trả lời, Poirot đứng dậy, nhanh nhẹn đi ra cổng. Trăng non vừa lên sau rặng cây xạ Trời trong và mát. Poirot tiếp tục đi về phía cuối làng, không khí ở đây thật trong lành. Ông đưa tay xem đồng hồ. Còn sớm quá. Ông bước vào một quán nhỏ gọi một chén xúp nhe.

Vài phút trước chín giờ, Poirot đã có mặt trước ngôi biệt thự của Harisson. Ông thấy một thanh niên đẩy cánh cổng sơn trắng bước ra ngoài, đó là Linston. Anh ta cũng vừa nhận ra Poirot:

- Chào ông. Ông đi đâu thế này?

- Chào anh bạn trẻ. Tôi đến xem anh diệt tổ ong đây. Sao, anh diệt xong rồi à?

- Diệt cái gì? Ông nói tôi chả hiểu gì cả. Ông Harisson nhắc tôi đến có chút việc, thế thôi. Chào ông nhé.

Linston vội vã đi ngay. Poirot nhìn theo chép miệng:

- Anh ta đẹp trai nhưng có vẻ nhu nhược.

Poirot bước vào, băng qua những khóm hồng và bắt gặp Harisson đang ngồi im như pho tượng, cạnh chiếc bàn dưới mái hiên. Ông chằm chằm nhìn lại khi Poirot đến gần:

- Anh vẫn bình yên chứ?

Không nghe trả lời Poirot hỏi tiếp:

- Anh không cảm thấy khó chịu chứ?

Harisson gắt:

- Anh nói vớ vẩn gì thế? Sao lại khó chịu? Khó chịu vì cái gì?

Poirot chậm rãi:

- Khó chịu vì gói carbonat mà tôi đã nhét vào túi áo anh lúc nãy đó.

Harisson đứng bật lên:

- Anh nói sao? Anh chơi trò gì với tôi thế?

Nhìn nét mặt bàng hoàng của Harisson, Poirot từ tốn:

- Anh biết không, vì ớn nghĩa, một tên móc túi chuyên nghiệp đã dạy cho tôi thành thạo một môn nghề. Đó là biệt tài thọc tay vào túi bất cứ ai mà người đó không hề hay biết. Tôi có thể lấy đồ vật trong túi người đối diện rồi thay vào đó một thứ khác rất dễ dàng.

Poirot lấy ra khỏi túi mình gói nylon chứa một ít tinh thể trắng, ngăm nhìn và lẩm bẩm:

- Rõ ràng, mang Cyanur theo cách này là thiếu khôn ngoan.

Ông lại lấy trong túi ra một chai nước nhỏ, hòa một ít Cyanur vào rồi lắc mạnh, xong tiến về phía chạc cây có tổ ong vò vẽ, đổ nước vào tổ rồi lùi lại chờ kết quả. Vài con ong trở về, vừa chạm đến tổ, bỗng co giật và lăn quay ra chết. Poirot lắc đầu rồi quay trở lại, nói với Harisson:

- Chết nhanh thật.

Như vừa qua cơn choáng, Harisson hét lên:

- Hãy nói đi, anh đã biết được điều gì?

- Như tôi đã nói, tôi thấy tên của Linston trong sổ ghi chất độc ở cửa hàng. Nhưng có điều tôi không nói với anh là sau đó tôi đã gặp Linston, Linston nói chính anh đã nhờ anh ta mua Cyanur để diệt ong. Tôi hơi ngạc nhiên vì tôi biết anh luôn phản đối việc dùng Cyanur, vì chất này quá nguy hiểm. Khi đó, tôi cũng đã được chứng kiến cảnh âu yếm giữa Molly và Linston, chứng tỏ họ đã làm lành với nhau. Có thể Molly nhận lời lấy anh trong một cơn bốc đồng vì giận Linston mà thôi.

Ngừng một lát, Poirot nói tiếp:

- Tôi còn biết một điều nữa, căn bệnh nan y của anh... bác sỹ đã bó tay rồi, phải không?

- Vâng, tôi chỉ còn sống hai tháng nữa.

- Harisson, tôi đã đọc được trong mắt anh sự hận thù. Hôm nay, đi qua vùng này, tình cờ tôi thấy tên Linston trong sổ hiệu thuốc, tôi đã tìm gặp anh ta trước khi đến thăm anh. Tôi đã lập mưu lừa anh, anh chối là không bảo Linston mua Cyanur, nói đúng ra là anh giả bộ ngạc nhiên. Đầu tiên, việc tôi đến thăm làm anh mất phương hướng, sau đó anh lợi dụng tôi để phục vụ ý đồ của anh. Tôi lại biết qua Linston rằng, anh nhắn anh ta đến lúc tám rưỡi, vậy mà anh lại nói với tôi là chín giờ. Anh hy vọng khi tôi đến thì âm mưu đã hoàn thành rồi, phải không?

- Âm mưu gì?

- Anh tự tử bằng chính Cyanur anh để trong túi áo. Cái chết của anh nhanh và dễ nhưng cái chết mà anh định dành cho Linston là cái chết khổ nhục trong tù. Anh ta có tên trong sổ mua thuốc độc, đến thăm anh, và sau đó anh chết đột ngột, ly nước anh uống có Cyanur, thế là Linston đền mạng, hạnh phúc tan vỡ, phải chăng đó là kế hoạch của anh?

Harisson nói như khóc:

- Hãy để cho tôi chết, tại sao anh lại đánh tráo gói Cyanur của tôi?

- Đó là trách nhiệm, là lương tâm nghề nghiệp của tôi. Ngoài ra, còn một lý do nữa. Tôi rất quý mến anh. Hãy nghe tôi. Bệnh anh không thể qua khỏi, người con gái anh yêu cũng từ bỏ anh, nhưng vì lòng hờn ghen ích kỷ mà hại người lương thiện. Bản chất anh không ác như thế. Nói đi anh, anh thấy nhẹ nhõm hay lấy làm tiếc khi tôi có mặt lúc này?

Im lặng một lát, Harisson nắm chặt bàn tay Poirot, đôi mắt sáng lên ánh tự hào vì đã chiến thắng được lòng ghen tị nhỏ nhen của mình:

- Poirot ơi, anh đến thật đúng lúc!

Hết



Sự thật đằng sau cái chết

Agatha Christie

Một ngày đẹp trời, thám tử Poirot theo người bạn già Boniton đến ăn tối tại tiệm Galon trên đường Kinh Đô thuộc khu Trenci.

Boniton là một người rất sành ăn. Ông thường đến tiệm này vì bầu không khí ấm cúng và món ăn ở đây nấu theo kiểu Anh đơn giản nhưng rất hợp khẩu vị. Họ chọn bàn góc phòng, cạnh chậu cây kiểng có hoa lily tím màu hồng tươi. Boniton nói với bạn:

- Anh biết không! Đây là chỗ ngồi đặc biệt danh dự đấy.

- ...

- Nghệ sĩ lừng danh Augustus John thường dùng bữa tại chỗ này đấy.

Thám tử Poirot mỉm cười trước vẻ huênh hoang của Boniton. Ông bạn này chẳng nghệ sĩ chút nào nhưng lại rất khoái nhắc đến lĩnh vực này. Cô hầu bàn Molie tươi cười bước đến:

- Chào hai ông. Các ông muốn khai vị món canh hay cá? Hôm nay còn có món gà tây nấu đậu và phô mai đặc biệt. Mời hai ông dùng thử.

Boniton nói:

- Poirot à, hôm nay chúng ta dùng toàn món Anh thôi nhé.

- Tùy ý anh.

Boniton chọn món ăn nhanh chóng, rồi nhìn theo Molie đang đi về phía nhà bếp:

- Cô bé này khá lắm. Đã có một thời đi làm người mẫu thời trang đấy. Cô ta phục vụ rất tốt, biết chiều khách, đoán ý từng người. Chả bù với những cô gái khác, khi đi ăn với bạn trai chỉ biết chọn những món mình thích, chả quan tâm đến ai hết. Cũng may, đàn ông chúng ta thì khác.

Poirot nheo mắt:

- Có chắc không đó?

- Tôi không có ý khen tất cả đàn ông. Nhất là những chàng trai trẻ. Họ thường nông cạn, thiếu kiên nhẫn và tôi không chịu được lý luận đáng ghét của họ.

- Lý luận thế nào?

- Những người quá 60 tuổi chẳng có quyền tồn tại trên đời, bọn trẻ thật chả xem cha mẹ mình ra gì!

Poirot mỉm cười:

- Vậy thì chúng ta nên chú ý đến những vụ chết đột ngột của những người trên 60 tuổi.

- Thôi anh đừng méo mó nghề nghiệp nữa. Hãy để cho tội ác tự tìm đến anh thì hay hơn.

- Đừng nói lung tung nữa. Sao? Dạo này công việc làm ăn của anh có tiến triển tốt chứ?

- Chán lắm! Đi đâu cũng gặp những "thùng rỗng kêu to". Giống như cá ươn được chan nước xốt để đánh lừa mùi tanh đấy. Tôi chỉ thích ăn một lát cá tươi thôi, khỏi cần ướp gia vị.

Molie mang đến đĩa cá thu tươi:

- Mời hai ông.

Boniton gật đầu hài lòng:

- Cô thật biết ý tôi. Cô có nghĩ là tôi sẽ đổi món không?

- Các ông thường trung thành với những món ăn quen thuộc, còn các bà thì không. Họ thay đổi thức ăn đến chóng mặt.

Boniton vỗ vai Poirot:

- Tôi nói đúng chưa? Phụ nữ luôn luôn rắc rối - ông chỉ tay về phía góc đối diện - Anh hãy nhìn cái ông râu xia xồm xoàm kia kìa. Molie nói rằng, từ 10 năm nay, ông cụ luôn luôn đến đây dùng bữa vào tối thứ ba và thứ năm. Không ai biết tên, chỗ ở và nghề nghiệp của ông cụ.

Molie đem món ăn khác đến, Boniton hỏi:

- Ông cụ ấy vẫn đều đều đến đây dùng bữa phải không?

- Vâng. Đúng vào mỗi tối thứ ba và thứ năm. Nhưng có một ngoại lệ. Tuần rồi, cụ bất ngờ đến vào tối thứ hai làm cháu cứ tưởng hôm đó là thứ ba. Nhưng ngày hôm sau cụ vẫn đến, nghĩa là tuần đó, cụ đến thêm một ngày.

- Cụ vẫn gọi món ăn như thường lệ chứ?

- Rất lạ là không. Buổi tối thứ hai ngoại lệ ấy, cụ đã gọi hai món mà cụ ghét nhất. Đó là xúp cà chua thịt nạc và bánh ngọt nhân dâu tây. Cháu thấy kỳ nhưng đâu dám thắc mắc.

Poirot xoa hai tay vào nhau:

- Câu chuyện hấp dẫn quá.

Boniton hỏi:

- Anh nghĩ sao? Tôi đoán là ông cụ đã đi bác sĩ và bác sĩ đã khuyên ông cụ thay đổi thực đơn.

- Bác sĩ nào mà điên thế. Toàn là món ăn nặng bụng không thích hợp với tuổi già chút nào.

- Đã là bác sĩ thì làm gì chả được.

- Anh không còn cách phán đoán khác sao?

- À, có thể là ông cụ đang bị một cảm xúc nào đó, cảm xúc mạnh đến nỗi cụ không biết mình đã gọi món ăn gì. Anh nghĩ có đúng không. Có thể cụ đang suy tính một chuyện gì rất quan trọng...

Poirot không trả lời.

Ba tuần lễ trôi qua. Tình cờ, thám tử Poirot gặp Boniton trong một chuyến xe điện ngầm. Boniton nói:

- Có tin sốt dẻo cho anh đấy. Anh còn nhớ ông cụ đặc biệt ở quán Galon không? Molie cho biết cả tuần nay không thấy ông cụ đến ăn. Cô ta lo lắng. Tôi nghĩ là ông cụ đã thay đổi các món ăn uống, cụ bị sốc và ngã bệnh trầm trọng hơn. Điều này giải thích được sự đấng trí của cụ khi gọi các món ăn. Theo tôi, bác sĩ cần phải tế nhị với bệnh nhân mới được.

Về đến nhà, Poirot bỗng có ý định thử xem có bao nhiêu người chết được đưa tin trên báo. Ông lật tất cả nhật báo trong tuần xem mục "tin buồn". Ngón tay ông dò tìm và dừng lại ở hàng chữ: "Henri Gatko, 69 tuổi, ở số nhà... đường Kinh Đô". Ông quyết định, thử bắt đầu từ ông cụ này xem sao.

Chiều hôm đó, thám tử Poirot đến phòng khám bệnh của bác sĩ Mac ở đường Kinh Đô, hỏi thăm về cụ Henri Gatko. Bác sĩ trả lời rất nhiệt tình:

- Người này tôi biết. Đó là một cụ già kỳ quặc, ít tiếp xúc với ai. Cụ nghèo, sống trong một căn phố cũ kỹ. Tôi không phải là bác sĩ của cụ nhưng là người khám nghiệm tử thi. Cụ ở một mình nên gặp nạn chả ai hay. Nhờ anh chàng giao sữa thấy mấy chai sữa để y nguyên nơi cửa nhà ông cụ nên hô hoán lên, hàng xóm mới đi báo cảnh sát. Người ta tìm thấy xác cụ ở chân cầu thang, xương cổ bị gãy. Chắc là cụ té vì vướng chân vào vạt áo ngủ.

- Ông cụ có họ hàng bà con gì không?

- Cụ có một người cháu ruột, mỗi tháng anh ta đến thăm cụ một lần. Đó là George Lorimer, anh ta cũng là bác sĩ, nhà ở khu Wilberdon.

- Từ 48 đến 72 giờ trước đó, không thể lâu hơn. Người ta thấy xác cụ ngày mồng 6, nhưng trong túi áo ngủ lại có một lá thư viết ngày mồng 3 được gửi từ

Wilberdon chiều hôm đó và đến nhà ông cụ vào 9 giờ tối cùng ngày. Chi tiết này giúp cảnh sát xác định tai nạn xảy ra sau 9 giờ tối và ông cụ đã dùng bữa hai giờ trước khi chết.

- Bác sĩ có biết, ai là người thấy cụ lần cuối cùng? Vào lúc nào?

- Tối hôm cụ mất, ngày mồng 3 và cũng là ngày thứ ba. Cụ vẫn đến quán Galon như thường lệ. Nhiều người đã thấy cụ.

- Ngoài người cháu, cụ còn ai thân thích nữa không?

- Có. Một người anh sinh đôi. Người này tên Antoni Gatko là một nghệ sĩ lớn, nhưng từ ngày lấy một bà vợ rất giàu, ông từ bỏ nghệ thuật luôn. Vì chuyện này mà hai anh em cãi nhau dữ dội đến nỗi từ bỏ nhau, không thèm nhìn mặt nhau nữa. Lại một điều, hai người lại chết cùng một ngày. Cụ Antoni mất lúc 3 giờ chiều, còn cụ Henri thì 3 giờ tối.

- Bà Antoni còn sống không?

- Bà ta mất lâu rồi. Toàn bộ tài sản nằm trong tay ông chồng. Tiếc rằng họ không có con.

- Bác sĩ biết nhà của cụ Antoni không?

- Tôi sẽ cho ông địa chỉ.

Thám tử Poirot chợt trầm ngâm:

- Theo tôi, cụ Henri đã bị ... đẩy xuống cầu thang.

- Một vụ án mạng ư? - Bác sĩ Mac cười nhẹ - Ông đã bị méo mó nghề nghiệp rồi. Nếu ông nghi người cháu là thủ phạm thì ông đã lầm. Bác sĩ Lorimer đã đánh bài cùng mấy người bạn tại nhà mình từ 8 giờ tối cho đến nửa đêm. Cảnh sát đã chứng thực điều này. Ông có biết điều gì liên quan đến người cháu sao?

- Thật ra, tôi đâu có biết ông cụ có cháu.

- Vậy, ông nghi một người nào khác chẳng?

- Không, nhưng tôi thấy cái chết của cụ có điều gì không ổn. Có quá nhiều nước sốt để che mùi tanh của cá.

- Ông nói gì?

- Xin lỗi, tôi đã làm mất thì giờ của bác sĩ.

Bác sĩ Mac tiến thám tử Poirot ra cửa:

- Theo tôi, cái chết của cụ Henri không có gì đáng nghi cả.

- Vâng, có thể là tôi cố chấp. À, tôi xin hỏi thêm một câu nữa, cụ Henri có mang răng giả không?

- Không, răng cụ rất tốt.

- Răng cụ trắng hay vàng? Có dính gì không, như khói thuốc lá chẳng hạn?

- Lạ một điều là răng của cụ trắng lắm. Không có một bọt khói thuốc lá. Chắc là cụ thường chải răng rất kỹ.

- Cảm ơn bác sĩ.

Rời phòng mạch, thám tử Poirot ghé lại quán Galon. Một cô hầu bàn lạ bước đến:

- Hôm nay cháu thay chị Molie vừa nghỉ phép. Ông dùng gì ạ?

- Nè cô, cô có biết ông cụ có râu nhiều, thường đến đây dùng bữa không?

- Dạ biết. Cụ thường đến vào tối thứ ba và thứ năm. Nhưng mới đây cụ không đến nữa. Cháu đã thấy hình cụ đăng trên báo. Thật tội nghiệp.

- Tối hôm đó là thứ ba, cụ vẫn đến như thường lệ.

- Cô có nhớ hôm đó, cụ gọi món gì không?

- Dạ, để cháu nhớ xem... hình như là xúp cà chua thịt nạc, bánh ngọt nhân dâu và

phômai.

- Cảm ơn cô. Giờ cô cho tôi món cá thu chan nước sốt và một ít bánh mì.

Vừa ăn thám tử Poirot vừa suy nghĩ. Chà, anh chàng khôn ngoan vậy mà lại mắc phải những sai lầm không đáng có. Lão Boniton biết chuyện này chắc là thích lắm.

Ngày hôm sau, thám tử Poirot đến gặp ông trưởng ban điều tra vùng cụ Henri trú ngụ. Ông này nhận xét:

- Ông cụ này rất lập dị. Cụ sống khép kín, không ngao du với ai cả. Ông có điều gì thắc mắc sao?

- Ông có thể cho phép tôi được biết nội dung lá thư trong túi áo nạn nhân được không ạ?

- À, đó là bức thư của bác sĩ Lorimer, cháu của ông cụ. Lá thư giúp chúng tôi xác định ngày, giờ nạn nhân chết, rất phù hợp với báo cáo của bác sĩ pháp y. Tôi sẽ cho ông xem. Đợi một lát nhé.

- Rất cảm ơn ông.

Nguyên văn lá thư viết tay:

"Wilberdon, ngày 3 tháng 11 năm...

Chú Henri thân yêu,

Cháu rất buồn báo tin cho chú rõ, chú Antoni bệnh nặng lắm, sợ không qua khỏi. Tuy nhiên chú ấy vẫn không bỏ qua chuyện quá khứ như chú hy vọng và không muốn chú đến gặp, xem như trên đời này không có một người em ruột như chú. Thật đáng buồn.

Cháu đã hết sức cố gắng để giúp chú nhưng lực bất tòng tâm. Mong chú thông

cảm cho cháu.

Cháu của chú: G. Lorimer."

Con tem ngoài phong bì in dấu bưu điện 16 giờ 30 ngày 3-11. Poirot tự nhủ: "Mọi việc xếp đặt đâu ra đấy. Giỏi thật."

Sau đó, thám tử Poirot tìm đến nhà ông anh sinh đôi của nạn nhân. Cụ Antoni cũng vừa mới mất. Chỉ còn một mình bà quản gia Marie ngồi rầu rĩ trong ngôi biệt thự khá lớn có vẻ lạnh lẽo. Bà cho biết, Antoni là một cụ già kỳ cục. Suốt 14 năm trời, bà tận tâm phục vụ, chăm sóc cho ông từng miếng ăn giấc ngủ, chịu đựng tính tình khó chịu của ông. Nhưng bà đã được gì ngoài hai bàn tay trắng? Đúng là con người vô lương tâm. Ông ta giàu vậy mà khi chết, chẳng để lại cho bà cái gì. Trong bản chúc thư làm từ đời nào đời nao, ông ta để lại tất cả của cải cho vợ, nếu vợ chết trước thì người em sinh đôi tên Henri Gatko sẽ thừa hưởng. Thật là bất công!

Poirot an ủi:

- Bà yên tâm. Thế nào luật sư của cụ Antoni cũng chiếu cố đến trường hợp của bà. Tôi nghe nói cụ Antoni tuy giàu nhưng rất keo kiệt. Ngay đến người em ruột túng thiếu cũng không giúp đỡ cho nữa là.

- Hai anh em giận nhau từ lâu lắm rồi. Mới đây thôi, bác sĩ Lorimer có đến nói chuyện với cụ, trong câu chuyện cứ nhắc hoài đến tên Henri. Hình như cụ Henri nhờ người cháu đến hòa giải thì phải. Nhưng khi đó, ông cụ đã mệt lắm rồi.

Sau khi ăn tối, thám tử Poirot đến khu Wilberson tìm bác sĩ Lorimer. Đó là một chàng trai tầm thước, râu cạo nhẵn, cử chỉ nhanh nhẹn, tóc nâu nhưng lông mày lại có màu sáng khiến cho gương mặt trở nên nhợt nhạt. Poirot mở đầu câu chuyện:

- Tôi đến như thế này có hơi đường đột. Mong ông thông cảm.

Lorimer nhìn ông không mấy thiện cảm.

- Ông muốn gì đây?

Poirot đưa danh thiếp cho Lorimer, nói giọng thân mật:

- Thân chủ của tôi phần lớn là phụ nữ. Các bà thường không tin mấy ông cảnh sát, mà thích những cuộc điều tra riêng tư hơn. Cho nên họ thường tìm đến chúng tôi để giải bày tâm sự. Cách đây mấy hôm, có một bà già đến gặp tôi. Bà ta giận chồng nên sống riêng đã 3, 4 năm rồi. Chồng bà cụ chính là chú Gatko của ông, người vừa mới mất.

Lorimer lớn tiếng:

- Chú tôi. Ông nói sao? Thím tôi mất từ lâu lắm rồi!

- Không phải chú Antoni, mà là chú Henri cơ.

- Chú Henri? Ông lại càng lầm. Chú ấy không có vợ.

- Tôi chả biết, nhưng rõ ràng là cụ ông có làm hôn thú với cụ bà. Chính mắt tôi thấy giấy tờ hoàn toàn hợp lệ.

Lorimer gầm lên vì tức giận:

- Lão toét. Tôi không tin. Hoàn toàn không tin.

- Thật đáng tiếc phải không ông? Ông đã gây ra một án mạng mà chẳng được lợi lộc gì cả. Cũng chỉ tại thói quen tệ hại của ông. Ông thích ăn bánh kem nhân dâu lắm phải không? Hèn gì rằng ông vàng hết. Dâu ngon thật nhưng ăn nhiều quá cũng đi đến chết người. Chính món bánh kem nhân dâu sẽ đưa ông ra tòa đấy.

Lorimer hốt hoảng, mặt mày tái mét, cặp mắt mở to nhìn thám tử Poirot.

Ba ngày sau, cũng tại tiệm ăn Galon, Poirot bảo Boniton:

- Lập luận của anh sai ngay từ căn bản. Một người tâm trí rối loạn không bao giờ làm những gì mà anh ta chưa hề làm. Anh ta chỉ làm theo thói quen mà thôi. Theo

lời cô Molie kể, tối thứ hai ngoại lệ đó, cụ Henri đã gọi những món ăn mà xưa nay cụ rất ghét. Hành động này hoàn toàn phi lý và đã làm tôi nghĩ ngợi rất nhiều. Rồi sau đó, cụ không đến nữa. Cụ đã bỏ một thói quen mà cụ đã làm đều đặn suốt 10 năm qua. Tôi nghĩ đến một giả thuyết xấu. Đó là ông cụ đã chết. Và quả vậy. Cụ đã chết, chết một cách rõ ràng, minh bạch. Giống như nước sốt thơm rưới lên món cá ươn.

- Anh nói rõ hơn đi.

- Người ta thấy cụ đến ăn tối ở tiệm này vào lúc bảy giờ rưỡi, hai tiếng đồng hồ trước khi chết. Tất cả đều logic. Bức thư phát cùng ngày lúc chín giờ tối, tình trạng thức ăn trong bao tử. Trong thời gian cụ bị nạn, người cháu đang có mặt ở một nơi khác. Ai cũng nghĩ đây là một tai nạn, nhưng tôi thì không. Anh cũng biết ai sẽ được hưởng gia tài khi cụ mất!

- Anh lầm rồi. Hưởng cái gì mới được chứ. Cụ Henri nghèo rất mong tới.

- Anh lầm thì có. Cụ Henri có ông anh ruột giàu sụ.

- Thì có liên quan gì đâu?

- Anh chưa thấy rõ vấn đề sao? Bà vợ giàu để của lại cho ông chồng. Chồng để lại cho em. Em không có vợ con, tiền của sẽ lọt vào tay người cháu ruột. Vậy là hợp lý.

- Hay thật. Anh đã suy nghĩ như thế nào? Tôi rất muốn nghe.

- Cụ Henri chết hai giờ sau bữa ăn, không phải bữa ăn tối mà là bữa ăn trưa. Anh cứ đặt mình vào địa vị của Lorimer. Anh ta đang cần tiền một cách tuyệt vọng. Ông chú Antoni bệnh sắp chết, cái chết đem lại sự giàu sang cho ông chú Henri. Mà ông chú Henri thì còn khỏe mạnh quá. Vậy thì phải làm sao cho ông chú này chết càng sớm càng tốt, nhưng phải sau cái chết của ông chú giàu. Và Lorimer đã hành động. Anh ta biết mỗi tuần, cụ Henri có thói quen đến ăn tối hai lần ở tiệm Galon. Nên một buổi tối thứ hai, anh ta đeo râu tóc giả, cải trang thành cụ đến tiệm ăn. Nhờ anh ta có dáng dấp giống cụ, lông mày lại bạc nên càng giống hơn. Sự việc diễn tiến tốt đẹp, ai cũng tưởng anh ta là cụ Henri đã phá lệ đến ăn vào tối thứ hai hôm ấy. Thành công bước đầu, Lorimer yên chí, chỉ cần dò xem ngày nào cụ Antoni hấp hối (cụ này bệnh đã lâu rồi). Đến lúc phải hành động, anh ta viết

một lá thư cho cụ Henri vào chiều mồng hai, nhưng lại đề là mồng 3. Khoảng 3, 4 giờ chiều mồng 3, anh ta tới thăm cụ Henri. Chỉ cần đẩy mạnh tay một tí là ông chú tội nghiệp ngã lặn xuống cầu thang. Anh ta lấy lá thư trên bàn bỏ vào túi áo ngủ của ông cụ. Đến bảy giờ rưỡi tối, anh cải trang thành ông cụ, có mặt tại tiệm ăn Galon như thường lệ. Điều này chứng tỏ cho mọi người biết, lúc bảy giờ rưỡi ngày mồng 3, cụ Henri vẫn còn sống. Ăn xong, anh ta vào nhà vệ sinh và khi trở ra, đã biến thành bác sĩ Lorimer. Chưa tới nửa giờ sau, anh đã có mặt bên bàn bẻ tại Wilberson. Một chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo.

- Thế thì dấu bưu điện trên phong bì thì sao?

- Dấu bị bôi tèm lem. Số 2 được sửa thành số 3. Tôi đã quan sát kỹ bì thư và thấy rất rõ. Còn nữa, bằng chứng rõ rệt nhất là những trái dâu.

- Những trái dâu?

- Lorimer chưa phải là diễn viên giỏi. Anh ta bắt chước ông chú y hệt nhưng chỉ bề ngoài thôi, vì anh ta đã không tập ăn như ông chú. Anh ta đã gọi món mà anh ta thích nhưng ông chú lại rất ghét, đó là dâu tây. Dâu làm vàng răng, khi khám nghiệm, răng của nạn nhân rất trắng. Vậy không thể nào chính nạn nhân đã ăn ở nhà hàng tối hôm mồng ba được. Tôi đã hỏi bác sĩ pháp y, dạ dày nạn nhân không hề có chất dâu. Người ta còn tìm thấy trong nhà Lorimer bộ râu giả để hóa trang nữa. Thật ra, có rất nhiều chứng cứ buộc tội tên cháu bất nhơn này. Tôi đã đến thăm hắn, kể cho hắn nghe một câu chuyện bịa đặt, và hắn đã lòi đuôi ra ngay. À, khi tiếp tôi, răng hắn vàng khè vì vừa ăn món bánh dâu xong. Đúng là một tên tham ăn.

Đúng lúc đó, cô hầu bàn mang đến hai đĩa bánh kem nhân dâu. Thám tử Poirot xua tay:

- Chúng tôi không dám gọi món này đâu. Cô mang đi cho...

Xâu chuỗi ngọc trai

Tác giả: **Agatha Christie**

Thám tử Poirot là bạn vong niên của tôi. Đó là một ông già hơi thấp, gương mặt phúc hậu, da dẻ hồng hào, đặc biệt, đôi mắt ông sáng quắc dưới vầng trán cao, ẩn chứa bên trong một trí thông minh tuyệt vời.

Tối nay, Poirot mời tôi đi ăn tại nhà hàng khách sạn Bồng Lai. Hình như tất cả quý ông bà sang trọng nhất thành phố đều tụ tập ở đây. Vừa bước vào tôi đã choáng ngợp trước những bộ quần áo đắt tiền, nữ trang lấp lánh và cả mùi hương của nước hoa sực nức không gian. Poirot kéo tôi ngồi xuống chiếc bàn đặt cạnh một chậu kiểng lá răng cửa rất đẹp. Ông đưa mắt nhìn quanh:

- Nơi đây thật là lý tưởng cho bọn trộm cắp ra tay. Chà, thiên hạ sao mà giàu thế, anh có thấy cái bà mập mập kia không, châu báu đeo thấy mà khiếp.

Tôi nhìn theo hướng ông chỉ và kêu lên:

- Ờ, bà Opasson đó mà.

- Anh biết bà ấy sao?

- Tôi quen với chồng bà ạ. Ông ấy kinh doanh dầu hỏa và đang phát lên như gió.

Sau bữa ăn, tôi gặp vợ chồng Opasson trong phòng khách, liền giới thiệu với Poirot. Chúng tôi làm quen rất nhanh. Câu chuyện lan man dẫn đến việc bàn luận về các viên ngọc quý. Poirot nói với bà Opasson:

- Nghề nghiệp của tôi bắt buộc phải rành phân biệt các loại nữ trang. Thưa bà, chuỗi ngọc bích bà đang đeo rất đẹp và hiếm.

Bà Opasson sung sướng:

- Thưa ông, trên phòng tôi còn có chuỗi ngọc trai đẹp và đắt hơn chuỗi này bội phần. Đối với những người sành ngọc như ông, ông phải được xem nó.

Nói xong, bà nhanh nhẹn bước về phía thang máy. Ông Opasson nhìn theo, cười mẫn nguyện:

- Phải mất nhiều tiền tôi mới mua được chuỗi ngọc trai quý giá đó. Rồi các ông sẽ thấy, thật tuyệt vời.

Thời gian trôi qua Ông Opasson sốt ruột đứng dậy:

- Xin lỗi, tôi phải lên chỗ nhà tôi, không biết ở đây đã xảy ra chuyện gì!

Một lúc sau, không thấy ông bà Opasson trở lại, tôi bảo:

- Tôi nghĩ là đang có sự cố xảy ra.

- Đương nhiên. Anh nhìn xem kia, ông giám đốc khách sạn vừa chạy lên cầu thang trông rất xúc động, rồi cậu coi chỗ thang máy kia, mọi người nói chuyện huyên thuyên đến nỗi không nghe tiếng chuông gọi, rồi đến mấy anh hầu bàn nữa, cứ túm tụm vào nhau... A, cảnh sát đã đến.

Hai người đàn ông bước vào, một mặc đồng phục cảnh sát, một mặc đồ dân sự. Anh giúp việc đưa họ lên lầu, một lát, anh xuống, đi về phía chúng tôi:

- Ông Opasson mời hai ông vui lòng lên gặp ông ấy.

Thang máy dừng ở lầu một. Chưa bước vào phòng, Poirot và tôi đã nghe tiếng khóc nức nở của bà Opasson từ bên trong vọng ra. Chồng bà ta chờ chúng tôi sau cánh cửa, báo tin xấu chuỗi ngọc trai đã bị mất. Tôi đưa mắt quan sát. Bà Opasson đang ngồi gục nơi ghế bành, cạnh đấy, cô giúp việc đang xoắn hai tay vào nhau, mặt tái xanh, nước mắt chảy dài trên má. Cuối phòng, một cô gái khác mặc đồ hầu phòng, tựa lưng vào thành lò sưởi, vẻ lo lắng. Hai người của sở cảnh sát đứng giữa phòng, một người ghi chép vào cuốn sổ tay, người kia giương đôi mắt cú vọ soi mói khắp nơi. Thấy Poirot, bà Opasson lau vội nước mắt, bước đến:

- Đúng là định mệnh đã đưa ông đến đây. Tôi linh cảm rằng chỉ có ông mới tìm lại được chuỗi ngọc trai cho tôi.

Poirot dịu dàng nắm tay bà:

- Bà yên tâm, mọi việc sẽ ổn cả thôi.

Ông Opasson nói với viên thanh tra cảnh sát:

- Chắc ông không phiền lòng khi tôi nhờ thám tử Poirot giúp đỡ thêm?

Viên thanh tra lạnh nhạt:

- Không sao - Rồi ông nhìn bà Opasson - Giờ mời bà bình tĩnh kể lại mọi sự việc.

Bà Opasson bắt đầu nói:

- Thưa, hồi nãy tôi lên phòng định lấy chuỗi ngọc trai cho ông Poirot xem, nhưng khi mở ngăn kéo, hộp nữ trang vẫn còn nhưng chuỗi bên trong đã biến mất.

- Lúc đó trong phòng có ai không?
- Có cô hầu phòng Marie đang dọn dẹp trước sự giám sát của Ce'lestine, người giúp việc thân tín của tôi.
- Bà trông thấy xâu chuỗi lần cuối cùng vào lúc nào?
- Trước khi xuống phòng ăn tối, tôi đã phân vân không biết nên đeo chuỗi ngọc trai hay ngọc bích. Cuối cùng, tôi để chuỗi ngọc trai lại.
- Hộp nữ trang của bà có khóa không?
- Có. Chính tay tôi đã khóa và luôn giữ chìa khóa bên mình.

Viên thanh tra xem kỹ chiếc chìa khóa rồi nói:

- Cái chìa khóa này rất thường, có thể làm giả dễ dàng. Bà đã làm gì sau khi khóa hộp nữ trang?
- Tôi để vào ngăn kéo bàn phấn.
- Bà có khóa ngăn kéo lại không?
- Không. Thường Ce'lestine luôn ở trong phòng tôi để coi sóc Marie dọn dẹp.

Viên thanh tra nghiêm nét mặt:

- Chị người làm của bà không lúc nào rời khỏi phòng? Như thế thì đã rồi.

Ce'lestine chợt khóc thét lên, cô chạy đến ôm chầm lấy cánh tay Poirot:

- Ông không nên để người ta buộc tội tôi một cách oan ức như thế! Tôi chắc chắn Marie đã lấy chuỗi hạt của bà chủ. Tại sao mấy ông cảnh sát không lục soát người của nó chứ?

Cô hầu phòng Marie trợn trừng đôi mắt, run cả tay chân:

- Im đi, đồ lão khoét, tôi chưa bao giờ trông thấy chuỗi hạt ấy. Chính chị mới là đồ ăn cắp, chính chị mới ở trong phòng này suốt buổi, còn tôi, tôi lúc nào cũng làm việc trước mặt chị, chị luôn luôn rình rập tôi như một con cú.

Viên thanh tra nhìn Ce'lestine:

- Lúc nào cô cũng có mặt ở đây à?

- Vâng, bà chủ muốn như vậy nhưng vừa rồi, tôi đã về phòng riêng hai lần để lấy cuộn chỉ và cái kéo.

Marie đưa tay chùi nước mắt:

- Nhưng chị ta chỉ đi rồi quay vào rất nhanh. Không tin, các ông cứ cho lục soát tôi, tôi là người vô tội.

Viên thanh tra đứng bên máy điện thoại:

- Được rồi, tôi sẽ gọi một nữ nhân viên đến xét các cô.

Poirot đi đến bàn phấn, thử mở đóng ngăn kéo, rồi chỉ một cánh cửa lớn đóng chặt, hỏi viên thanh tra:

- Cửa này thông ra đâu nhỉ?

- Thông ra phòng bên cạnh. Nhưng bên kia đã cài then, bên này cũng vậy, chúng ta chẳng cần quan tâm đến làm gì.

Sau cuộc khám xét, người nữ cảnh sát báo tin là không tìm thấy gì cả trong người Marie lẫn Ce'lestine. Mặt viên thanh tra nhăn lại, ông nhìn chăm chú vào Ce'lestine rồi quay sang bà Opasson:

- Xin lỗi bà. Tôi bắt buộc phải nghi chị này. Chuỗi ngọc trai không có trong người chị ta, có nghĩa là nó được cất giấu tại một nơi nào đó.

Ce'lestine lại kêu thét lên, níu tay áo Poirot cầu cứu. Poirot nhìn ông thanh tra:

- Xin phép ông cho tôi được làm một thí nghiệm nhỏ.

- Mời ông, nhưng tôi vẫn giữ vững lập trường đấy.

Poirot hỏi cô người làm:

- Hồi nãy, cô nói cô có ra khỏi phòng này hai lần để lấy cuộn chỉ và cái kéo? Bây giờ, cảm phiền cô lặp lại hành động ấy với tốc độ không thay đổi.

Poirot chăm chú quan sát Ce'lestine với chiếc đồng hồ quả quít trên tay. Rồi ông nói:

Bây giờ tôi xin làm thêm một thí nghiệm nữa. Xin bà chủ vui lòng cho tôi mượn chìa khóa hộp nữ trang.

Poirot đưa chiếc đồng hồ cho tôi:

- Khi nào tôi nói "bắt đầu", thì anh tính giờ giùm tôi nhé. Nào, bắt đầu.

Nhanh như chớp, Poirot chạy đến bàn phấn mở mạnh ngăn kéo, lấy hộp nữ trang ra, dứt chìa khóa vào, mở nắp, rồi đặt lại ngay, khóa hộp, đóng ngăn kéo lại. Rồi ông hỏi tôi:

- Thế nào?

- Bốn mươi sáu giây.

Ông bỏ chiếc đồng hồ vào túi, nói một mình:

- Ce'lestine vắng mặt trong phòng lần đầu mười hai giây, lần sau mười lăm giây, như vậy Marie không đủ thì giờ để lấy râu chuối.

Viên thanh tra cười:

- Điều này càng chứng tỏ Ce'lestine là thủ phạm. Xin phép ông bà chủ cho tôi đưa Ce'lestine sang lục soát tại phòng cô ta.

Chỉ còn lại ông bà Opasson và chúng tôi. Poirot dè dặt hỏi:

- Thưa ông, chắc là râu chuối ngọc trai đã được bảo hiểm?

Bà Opasson ngắt lời:

- Điều đó đối với tôi không quan trọng, không có tiền bạc nào thay thế được râu chuối ngọc trai của tôi.

Tiếng reo của viên thanh tra làm mọi người nhìn về phía cửa. Ông ta đi vào, tay đưa cao râu chuối ngọc trai:

- Ce'lestine đã nhét nó vào dưới tấm nệm giường.

Bà Opasson giật lấy râu chuối, ôm vào ngực:

- Ôi, râu chuối của tôi. Ce'lestine đúng là con phản phúc.

Viên thanh tra để tay lên vai bà:

- Chúng tôi xin giữ râu chuối làm tang vật để điều tra thêm. Chúng tôi sẽ trả lại trong thời gian ngắn nhất.

Ông Opasson nhú mào:

- Có cần thiết không, thưa ông thanh tra?

Bà Opasson âu yếm nhìn chồng:

- Cứ giao cho ông ấy anh ạ. Như vậy là em yên tâm rồi.

Poirot đưa tay ra:

- Thưa bà, tôi muốn xem một tí.

- Ý chết, tôi quên mất là tôi muốn khoe với ông chuỗi ngọc của tôi mà. Ông cứ xem tự nhiên.

Poirot quan sát xâu chuỗi một lát rồi đưa cho viên thanh tra Ông nghiêng mình chào mọi người, xin phép rút lui.

Nhưng Poirot không rút lui, ông kéo tôi sang phòng bên cạnh. Phòng này còn để trống, bụi phủ một lớp lên đồ đạc bên trong. Poirot cúi xuống quan sát một vết hằn mờ hình chữ nhật in lên mặt chiếc bàn đặt cạnh cửa sổ:

- Khách sạn này dơ dáy quá. Dù chưa có khách cũng phải quét dọn đàng hoàng chứ.

- Anh đưa tôi vào đây làm gì vậy?

- À, tôi muốn xem cái cửa ăn thông sang phòng bà Opasson có cài then hay không? Đúng là có thật.

Thấy Poirot có vẻ nghĩ ngợi, tôi nói:

- Sự việc đã kết thúc, anh cũng không nên buồn vì đã vượt mất cơ hội tìm thủ phạm.

-Ồ, vụ này chưa kết thúc đâu, nếu chúng ta chưa tìm ra kẻ đã lấy chuỗi ngọc trai.

- Anh làm sao thế? Chính Ce'lestine đã lấy chuỗi ngọc...

- Không, đó chỉ là đồ giả. Rõ ràng là thanh tra tài ba của chúng tôi chẳng biết gì về nữ trang. Rồi đây, ông ta sẽ tẽn tò.

Lời khẳng định của Poirot làm tôi sửng người. Tôi nắm tay ông:

- Vậy thì ta phải cho ông bà Opasson biết ngay.

- Không nên, hãy để cho bà Opasson yên giấc tối nay.

- Còn tên trộm?

- Tôi đã có cách.

Chúng tôi ra khỏi phòng, đi về phía hành lang. Nơi đây, cô hầu phòng Marie đang đứng phân bua với nhiều người về câu chuyện vừa xảy ra. Poirot bước tới:

- Xin lỗi - Ông rút trong túi ra một tấm thiệp trắng bóng, có hình dáng kỳ lạ đưa cho Marie - Có bao giờ cô thấy cái này chưa?

Marie cầm lấy, lật qua lật lại:

- Thưa ông, tôi chưa nhìn thấy nó bao giờ.

- Vậy cô không dọn dẹp những phòng gần đây sao?

- Thưa không, đó là bốn phận của anh bồi phòng.

- Phiền cô gọi anh ấy đến cho tôi hỏi một việc.

Một phút sau, anh bồi phòng chạy đến. Poirot lại đưa cái thiệp trắng ra. Sau khi quan sát, anh nói:

- Thưa ông, tôi chưa hề thấy tấm thiệp này.

Chúng tôi trở về nhà. Trước khi chia tay, Poirot nói:

- Tôi phải đi Luân Đôn ngay để xác minh một điều nghi ngờ. Không ai qua mặt được ông già này đâu.

Mãi đến chiều hôm sau, Poirot đến tìm tôi:

- Mọi chuyện kết thúc hoàn toàn tốt đẹp. Họ đã bị bắt.

- Họ? Họ là ai thế?

- Marie và tình nhân của cô ta là anh bồi phòng chớ còn ai nữa. Lợi dụng khi quét dọn phòng bà Opasson, Marie đã lấy dấu khóa ngăn kéo bàn phấn cho anh bồi phòng rèn chìa giả. Này nhé, sự việc xảy ra như sau: Phòng bà Opasson có cánh cửa ăn thông với phòng bên cạnh, đến giờ ông bà Opasson đi ăn cơm, anh bồi phòng thường đợi sau cánh cửa chờ cơ hội. Tối hôm qua, cơ hội đã đến khi vô tình, Ce'lestine rời phòng hai lần. Lần thứ nhất, Marie mở ngăn kéo lấy hộp nữ trang ra, mở cửa thông đưa cho tình nhân, anh này dư thì giờ mở hộp lấy

xâu chuỗi rồi khóa lại như cũ. Lần thứ hai, Marie mở cửa lấy chiếc hộp để vào ngăn kéo. Còn chuỗi ngọc trai giả thì được giấu trong phòng Ce'lestine từ trước. Đây là thâm độc của bọn nhà nghề nên tôi cần phải xác minh lại. Cái thiệp màu trắng mà anh thấy là một loại đặc biệt dùng để lấy dấu tay tội phạm. Sáng nay, tôi đã đến cục cảnh sát Trung ương nhờ người bạn xem lại hồ sơ và đúng như tôi dự đoán, đây là dấu tay của hai tên chuyên ăn trộm nữ trang đang bị truy lùng. Người ta đã tìm thấy chuỗi ngọc trai thật tại nhà tên bồi phòng. Kể ra, tội nó quỷ quyệt nhưng lại thiếu thông minh. Đã xin được chân bồi phòng lại không chịu làm việc cho chu đáo, để bụi bám khắp nơi. Cũng vì vậy mà khi tên bồi phòng đặt chiếc hộp lên bàn đã để lại một vết hằn rất rõ.

- Đúng, tôi nhớ ra rồi.

- Khi thấy cánh cửa thông sang phòng bên, tôi hơi nghi. Nhưng từ khi thấy vết hằn ấy, tôi tin chắc là mình đoán đúng.

Hết



Án mạng đêm cuối năm

Luật sư Mayher chăm chú quan sát chàng trai ngồi trước mặt ông, con người bị buộc tội giết người có dự mưu.

- Voler, tôi thiết nghĩ, anh nên thành thật khai báo, tôi mới có thể bào chữa cho anh được.

- Biết nói thế nào nhỉ. Tôi không thể bị buộc một tội mà tôi không hề làm. Tôi vô tội, tôi vô tội. Ông phải hiểu điều đó.

- Vâng. Tôi đang cố gắng lo cho anh được tự do. Nhưng mọi bằng cứ đều chống lại anh. Không phải cứ la lên là mình sẽ vô tội.

- Tôi xin thề trước Thượng đế là tôi bị nghi oan. Tôi đã rơi vào một cái lưới không thể thoát ra được.

- Anh đừng thề mà hãy nói rõ cho tôi nghe, anh quen bà Fren trong trường hợp nào?

- Hôm đó, bà Fren suýt bị xe buýt tông, nên hoảng hồn đánh rơi đồ đạc tung tóe ra đường. Tôi có mặt ở đó nên đã nhặt giùm cho bà ấy. Sau đó, tôi gặp lại bà trong một bữa tiệc tại nhà người bạn. Bà nhận ra tôi, nói chuyện với tôi rất thân mật, và khi ra về, bà yêu cầu tôi ghé thăm bà. Bạn tôi nói bà là một cô gái già rất giàu có, sống một mình với chị người làm và tám con mèo.

- Anh đang túng thiếu, lại làm quen với một bà già giàu sụ và cố tình kéo dài sự liên hệ thân mật. Nếu chúng ta chứng tỏ rằng anh không hề biết bà Fren giàu và anh chỉ đến thăm vì xã giao...

Mặt Voler tái đi:

- Havey, bạn tôi đã nói vụ bà Fren giàu trước mặt tôi và rất nhiều người, một vài người còn chế giễu tôi là chuột sa hũ nếp nữa chứ.

- Như vậy thì tôi phải giải thích sao khi một người trẻ tuổi đẹp trai như anh lại mất thì giờ cho một bà đã luống tuổi có tính khí khác thường.

- Thú thật với ông, sau lần viếng thăm đầu tiên, bà đã khẩn khoản mời tôi đến nữa. Bà than rằng bà cô đơn quá, nên xem tôi như con. Bà tử tế, nuông chiều tôi, do đó, tôi thực sự cảm mến bà như một người mẹ.

- Đến lúc nào thì bà ấy yêu cầu anh trông nom sổ sách cho bà?

- Sau bốn, năm lần viếng thăm. Bà ấy tính toán kém trong việc hùn hạp làm ăn.

- Vậy mà chị hầu phòng Jannette quả quyết rằng bà chủ của chị rất thạo việc. Đây cũng là ý kiến của các ngân hàng có tài khoản của bà ấy.

- Họ nói sao ấy chứ trước mặt tôi, bà ấy tỏ ra rất vụng về.

Luật sư Mayher nhìn Voler. Ông tin vào sự vô tội của chàng thanh niên. Voler đã nói thật. Tâm lý các cô gái già là thường giả bộ ngây thơ để nhận ở những người đàn ông sự giúp đỡ. Và Voler đã đáp ứng được điều đó. Tăng hăng, ông hỏi:

- Có bao giờ anh lợi dụng lòng tin của Fren để kiếm lợi riêng cho anh không? Tôi sẽ có hai cách để bào chữa. Nếu trung thực, anh sẽ không cần nhúng tay vào máu để kiếm được món tiền mà anh có thể kiếm được một cách lương thiện. Bằng ngược lại, anh có những thủ đoạn mà bên công tố biết và sẽ đưa ra. Khi đó, tôi sẽ bảo rằng anh chẳng dại gì mà giết con gà đẻ trứng vàng ấy cả.

- Cảm ơn lòng tốt của ông. Tôi lúc nào cũng ngay thẳng khi làm việc với bà ấy. Nếu người ta cho rằng, tôi lợi dụng vật chất nơi bà ấy, thì cái chết của bà chỉ thiệt hại cho tôi thôi.

Luật sư Mayher nhìn thẳng vào mắt Voler:

- Anh có biết là bà Fren đã lập di chúc để một phần lớn tài sản cho anh không?

Voler nhóm dậy như bị điện giật:

- Ông nói sao? Bà ấy để của cho tôi à? Vô lý.

Giọng luật sư vẫn điềm tĩnh:

- Anh không biết việc này thật à?

- Ồ, tôi hoàn toàn không biết gì cả.

- Vậy mà cô Jannette lại quả quyết là anh biết cơ đấy. Chính bà Fren đã tiết lộ với cô ta về chuyện này.

- Jannette ghét tôi nên bịa đặt đấy. Ông phải tin lời tôi.

- Anh đã đến nhà bà Fren vài buổi tối, chỉ có mình bà, và sáng hôm sau bà bị giết ở phòng khách. Quả thật tối hôm đó, lúc 9 giờ rưỡi, Jannette có ghé nhà bằng cửa sau để lấy một vài món vặt ở phòng riêng rồi đi ngay. Cô ấy khai là có nghe thấy tiếng nói chuyện giữa bà chủ và một người đàn ông từ phòng khách.

Voler đứng phắt dậy:

- Vậy là tôi thoát nạn rồi. Vào lúc chín rưỡi, tôi đã về tới nhà. Vợ tôi có thể chứng minh cho tôi. Cảm ơn Thượng đế xui khiến Jannette ghé về đúng lúc.

Nét mặt luật sư vẫn không bớt đăm chiêu:

- Vậy theo ý anh, ai đã giết bà Fren?

- Một tên cướp. Y đã dùng thanh sắt đập vào đầu bà Fren. Một cánh cửa sổ bị phá vỡ, một số đồ vật bị lấy đi. Nếu không có sự nghi ngờ vô lý của Jannette và ác cảm của cô ta đối với tôi...

- Sự việc không đơn giản như vậy đâu. Anh nói anh về nhà lúc chín rưỡi, vậy mà Jannette lại nghe tiếng đàn ông nói chuyện với bà chủ trong phòng khách. Không lý bà ấy đi nói chuyện bình thường với một tên cướp?

- Dù sao đi nữa, người đó cũng không phải là tôi. Tôi đã có mặt tại nhà lúc chín rưỡi. Xin ông hãy đến gặp Romen, vợ tôi sẽ xác nhận lời khai của tôi.

- Bà Fren biết anh có vợ không?

- Dĩ nhiên là có.

- Jannette đã khai là chưa bao giờ anh đem vợ đến thăm bà Fren, cho nên bà ấy tưởng anh độc thân và có ý định sẽ lập gia đình với anh.

- Vô lý, bà ta quá già.

- Chuyện đó không thành vấn đề.

Voler đỏ mặt:

- Đó chỉ là sự tưởng tượng của Jannette. Tôi van ông, hãy đến gặp vợ tôi.

Romen, vợ Voler là một phụ nữ cao lớn, tiều tụy. Bà tiếp luật sư Mayher với vẻ hững hờ. Trông bà bình tĩnh đến lạnh lùng, điều này đã làm cho luật sư e ngại. Dù muốn dù không, ông cũng phải trình bày mọi việc cho người đàn bà ấy nghe. Im lặng một lát, Romen cất giọng đanh thép:

- Voler muốn tôi xác nhận là tối hôm đó, hắn trở về nhà lúc 9 giờ 20 phút chứ gì. Đừng hòng. Tôi không bao giờ đồng lõa với kẻ sát nhân đâu. Ông hãy nghe cho rõ đây, tôi xác nhận là Voler đã biết Fren có để lại gia tài cho hắn nên hắn đã giết mẹ già để sớm được vinh thân. Tối hôm đó hắn trở về lúc 10 giờ hai mươi, trên áo đầy máu. Hắn thú nhận tất cả với tôi. Tôi sẽ là nhân chứng buộc tội hắn.

- Chị không thể làm chứng chống lại chồng.

- Hắn không phải là chồng tôi mà là một người đàn ông tồi tệ. Tôi căm thù hắn. Tôi muốn trông thấy hắn bị treo cổ.

- Tôi sẽ đến gặp chị sau khi liên hệ với Voler.

Romen bĩu môi:

- Ông tin là hắn vô tội ư? Thật đáng thương!

Trước ngày tòa xử, luật sư Mayher nhận được một lá thư, nét chữ nguệch ngoạc: "Nếu ông muốn vạch mặt mẹ đàn bà đã hại chồng mình như thế nào, mời ông mang theo 2.000 đô la, đến địa chỉ X... vào lúc 19 giờ, hỏi bà Motion".

Khó khăn lắm, luật sư Mayher mới tìm thấy địa chỉ căn nhà. Đó là một túp lều ổ chuột nằm trong một con hẻm lầy lội, dơ dáy. Một mẹ già lưng còng đợi ông sau cánh cửa:

- Chào anh chàng luật sư. Vào đây, vào đây.

Ngọn đèn trên trần tỏa ánh sáng mờ mờ. Luật sư Mayher giật mình khi thấy gương mặt mù già đầy những vết sần sùi đỏ hồng. Mụ cất tiếng the thé:

- Axit đấy, anh bạn trẻ ạ. Tôi sẽ trả thù, trả thù.

- Thôi đi, bà hãy vào vấn đề nhanh lên.

Bàn tay gầy đét với những ngón cái bần đưa ra:

- Thế tiền đâu? Phải đủ hai ngàn đấy nhé.

- Nếu bà biết điều gì đó, bà có bốn phen ra tòa làm chứng.

- Không. Tôi chả biết quái gì cả, nhưng tôi có thể cho anh một vài thứ rất hay. Anh có thích đọc một lá thư của mụ Romen không? Rất cần thiết cho anh đấy. Đưa tiền đây.

- Tôi chỉ có một ngàn thôi. Nếu bà không chịu tôi xin kiếu.

- Quỷ tha ma bắt anh đi. Nào, bốc xìa ngay.

Mụ già rút dưới tấm nệm rách ra một xấp bì thư, ném trước mặt Mayher:

- Chắc chắn anh sẽ khoái lá thư trên cùng.

Tất cả đều là những bức thư tình, do Romen viết gửi cho một người tên Mac. Lá thư cuối cùng viết đúng ngày Voler bị bắt: "Mac yêu quý, Voler vừa bị bắt vì tình nghi giết người. Em biết, Voler là một tên hiền như bụt, không hại đến một con ruồi. Nhưng em sẽ khai trước tòa là hắn trở về nhà với máu me đầy mình và đã thú nhận tội lỗi với em. Hắn sẽ bị treo cổ và chúng ta sẽ có nhau...".

Mụ già nói thêm:

- Mac là chồng tôi. Ngày xưa, vì con bé Romen mà anh ta đã tạt axit vào mặt tôi. Tôi thù nó và đã theo dõi, rình rập nó trong bao nhiêu năm trời. Bây giờ nó sẽ bị trừng phạt vì tội khai man để đẩy chồng vào tù. Anh cứ tin đi. Hãy đến rạp chiếu bóng Eden đưa tấm hình Romen ra, người ta sẽ cho anh biết sự thật.

Không bỏ phí thời gian, luật sư Mayher đến ngay rạp chiếu bóng và ông đã đạt được ý muốn. Chẳng qua, trước khi lấy Voler, Romen từng là diễn viên kịch, nên nhiều người biết mặt. Họ xác nhận, đêm hôm xảy ra án mạng, Romen vào rạp coi xuất chót, vào lúc 10 giờ 20.

Ngày họp tòa. Romen khai rằng buổi tối hôm xảy ra án mạng, Voler ra khỏi nhà mang theo một thanh sắt. Hắn trở về lúc 10 giờ 20 và thú nhận với chị là đã giết bà Fren, hắn còn dọa sẽ giết chị nếu chị nói sự thật.

Lập tức, lá thư tội lỗi được đưa ra. Các chuyên viên về chữ viết đã xác nhận chữ trong thư đúng là của Romen. Người đàn bà điêu ngoa đã phải gục đầu thú nhận. Quả thật, Voler đã trở về nhà lúc 9 giờ 20 như lời anh đã khai.

Voler được trắng án.

Nhưng sự việc không ngừng ở đây, bởi lương tâm luật sư Mayher cảm thấy không yên. Lòng dạ ông bồn chồn khi nhớ lại những cử chỉ của Romen trước vành móng ngựa. Lương chị hơi công, bàn tay phải luôn xòe ra, một thói quen kỳ lạ... hình như ông đã thấy một người cũng có cái tật như thế. Ai? Luật sư giết nãy mình. Đúng rồi, Romen đã từng là kịch sĩ... mù già mặt theo!

Ông tìm đến nơi Romen đang trả giá ba tháng tù vì tội khai man. Đầu óc ông quay cuồng với bao câu hỏi. Tại sao? Tại sao?

Người đàn bà trở lại vẻ lạnh lùng cố hữu:

- Tại sao tôi lại chơi cái trò ấy à? Tôi phải cứu chồng tôi chứ. Một lời khai của người vợ thương chồng đâu có thuyết phục được ai. Nếu những lời nói của tôi không tự ý mình, mà do những tác động bên ngoài bắt buộc thì ai cũng phải tin. Tôi bị phạt tù vì khai man hại chồng, nhưng chồng tôi sẽ được cảm tình của tòa và mọi việc sẽ thuận theo chiều hướng tốt đẹp.

- Còn tập thư? Còn anh chàng Mac?

- Nếu chỉ viết một lá thư thì có vẻ giả tạo quá. Còn anh chàng Mac ư? Làm gì có, đó chỉ là một cái tên ma.

Luật sư Mayher hậm hực:

- Lẽ ra chị không nên làm thế. Chúng ta có thể chứng minh sự vô tội của Voler bằng một cách hợp pháp hơn.

Romen nhếch mép:

- Thế ông vẫn tin Voler vô tội ư?

- Dĩ nhiên. Chị đã rõ là tôi tin như vậy.

- Tôi thì chả rõ gì cả. Tôi biết chắc là chồng tôi đã giết bà Fren. Để làm gì ư? Vì chúng tôi quá nghèo, ngài luật sư ạ.

Chiếc cốc bằng vàng

Hercule Poirot chỉ cần nhìn cái trán rộng, cái miệng mím chặt, cái cằm bướng bỉnh và đôi mắt sắc sảo ấy cũng đủ hiểu tại sao Emery Power trở thành một nhà tài chính mạnh mẽ như vậy. Những ngón tay dài và thanh tú cũng nói rõ tại sao nhà tài chính nổi tiếng hai bên bờ Đại Tây Dương và là nhà sưu tầm hiểu biết những tác phẩm nghệ thuật. Từ nghệ thuật ông cũng yêu quý môn lịch sử. Một vật không chỉ cần đẹp mà còn phải nói lên những phong tục tập quán của một vùng đất nữa. Tiếng nói của ông êm dịu, không phô trương, nhưng cũng đủ làm cho người nghe phải chú ý.

- Bây giờ ông không nên nhận nhiều việc khác nữa - Ông ta nói - Nếu ông nhận việc này, tôi cho là như vậy.

- Nó có quan trọng không?

- Đối với tôi thì nó đặc biệt quan trọng.

Poirot cúi thấp đầu xuống nhìn Emery Power nhưng anh không nói gì cả.

- Đây là việc tìm lại một công trình nghệ thuật. Nói chính xác hơn đây là chiếc cốc bằng vàng có chạm trổ ở thời kỳ Phục hưng. Người ta nói đây là của đức Giáo hoàng Alexandre VI, Rodrigue Borgia. Ngài thường mang ra để khách quý dùng. Người được mời chết.

- Một phong tục đáng chú ý.

- Chiếc cốc ấy có một lịch sử náo động. Nó đã bị đánh cắp nhiều lần. Người ta đã giết nhau để có được nó. Nó đã để lại một vết máu dài đằng sau nó.

- Vì giá trị nội tại của nó hay vì những lý do khác?

- Đúng thế, nó có giá trị rất lớn. Nó được chế tạo bằng một phương pháp tuyệt diệu; đây là công trình của Benvenuto Cellini. Nó được chạm hình một cái cây có một con rắn quấn xung quanh; thân con rắn có những viên đá quý, còn quả trên cành cây thì bằng ngọc màu lục bảo.

Poirot có vẻ thích thú.

- Những quả táo - Ông lẩm bẩm.

- Đá quý rất đẹp, nhưng giá trị thực tế của chiếc cốc là ở lịch sử của nó. Hầu tước San Veratrino đã bán đấu giá nó vào năm 1929. Những nhà sưu tầm đã tranh cãi nhau, nhưng tôi đã mua được nó với giá ba mươi ngàn li-vơ vào thời kỳ đó.

- Một số tiền lớn.

- Khi tôi đã thích thì tôi biết trả giá, ông Poirot.

- Có thể là ông đã biết câu ngạn ngữ Tây Ban Nha: "Hãy nhận cái mà anh muốn... và trả tiền, Thượng đế nói!".

Nhà tài chính cau mặt và cặp mắt của ông ta đánh lại một lúc.

- Ông cũng thích nghiên cứu triết học ư? - Ông ta hỏi bằng giọng lạnh lùng.
- Tôi đã đến tuổi biết suy nghĩ.
- Tôi không nghi ngờ gì. Nhưng không phải do suy nghĩ mà lấy lại được chiếc cốc. Tôi cho rằng hành động là tốt hơn cả.
- Thật là sai lầm! Đã có nhiều người phạm phải. Nhưng xin lỗi ông. Chúng ta đã thay đổi chủ đề của câu chuyện. Ông đã nói mua được chiếc cốc ấy từ tay hầu tước San Veratrino, đúng không?
- Phải, nhưng điều tôi chưa nói với ông là nó đã bị đánh cắp trước khi đến tay tôi.
- Chuyện xảy ra như thế nào?
- Người ta tới ăn cướp lâu đài của ông hầu tước vào ban đêm, ngoài chiếc cốc còn có nhiều đồ vật khác bị mất.
- Người ta đã giải quyết như thế nào?

Power nhún vai.

- Cảnh sát đã điều tra vụ này, đúng thế. Người ta đã bắt và xét xử hai tên kẻ cướp: Dublay, người Pháp và Ricovetti, người Ý và thu được tang vật.
- Trừ chiếc cốc của Borgia ư?
- Trừ chiếc cốc. Như cảnh sát cho biết, ngoài hai tên ăn trộm bắt được còn có kẻ tòng phạm thứ ba tên là Patrick Casey người Ai Nhĩ Lan. Dublay, tên cầm đầu, chuẩn bị kế hoạch, Ricovetti lái xe và tiêu thụ còn Casey là tên vào trong nhà để lấy đồ đạc.
- Của ăn cắp được sẽ chia đều cho ba đứa ư?
- Có thể là như vậy. Nhưng dù sao những thứ lấy lại được đều kém giá trị. Vật quý hiếm thường được mang ra nước ngoài.
- Casey không bị bắt và xét xử sao?
- Không phải như ông đang nghĩ. Hắn đã có tuổi. Các cơ bắp đã giãn ra rồi. Mười lăm ngày sau đó hắn ngã từ lầu năm xuống đất và chết ngay tức khắc.
- Ở đâu?
- Ở Paris. Trong một mưu toan ăn trộm nhà ông chủ ngân hàng Duvauglier.
- Và từ đó người ta không được tin gì về chiếc cốc nữa ư?
- Đúng thế.
- Cũng không thấy ai rao bán ư?
- Cũng không. Tôi gần như tin chắc là như vậy. Ngoài cảnh sát còn có ba thám tử tư tiến hành điều tra vụ này.
- Và ông có lấy lại được tiền không?

- Đồ vật bị mất ngay trong nhà ông ta, ông hầu tước muốn trả lại tiền cho tôi.

- Nhưng ông không nhận ư?

- Không.

- Tại sao?

- Vì tôi muốn như vậy.

- Ông muốn rằng khi tìm được chiếc cốc thì nó thuộc quyền sở hữu của ông ư?

- Đúng thế.

- Nhưng sau hành động này là cái gì?

Power cười:

- Ông hiểu rõ tôi đấy, tôi thấy rõ. Rất đơn giản, tôi đã biết rõ ai là người đang giữ chiếc cốc ấy.

- Ông làm tôi thích thú. Vậy người đó là ai?

- Đó là ông Reuben Rosenthal. Không chỉ là một nhà sưu tầm như tôi, nhưng vào thời kỳ ấy, ông ta là một kẻ thù cá nhân của tôi. Chúng tôi cạnh tranh nhau trong nhiều vụ việc... và tôi thường là người thắng cuộc. Việc tranh chấp của tôi đã lên đến đỉnh cao với chiếc cốc ấy. Trong hai chúng tôi người nào cũng muốn có nó. Chúng tôi nâng giá trong cuộc mua đấu giá ấy.

- Và ông lại là người thắng cuộc chứ?

- Không hẳn như vậy. Tôi thận trọng nhường cho một người thứ hai làm việc này. Không ai chịu nhường bước cả, nhưng để cho người thứ ba giành thắng lợi và tìm cách tiếp cận người ấy, lại là một việc khác.

- Một thất vọng nhỏ.

- Đúng thế.

- Nhưng nếu ông Reuben biết chuyện thì sao?

Ông Power có một nụ cười rạng rỡ.

- Theo ông - Poirot tiếp - có phải ông Reuben không chịu nhận là thua nên đã đi thuê bọn ăn trộm không?

Emery Power giơ một bàn tay lên với vẻ không đồng ý.

- Ô, không! Tại sao lại đo vào cụ thể như vậy? Một thời gian sau ông Reuben đã có được chiếc cốc ấy từ một nguồn không xác định...

- Cảnh sát không công bố tấm ảnh nào của chiếc cốc ấy ư?

- Chiếc cốc không cần trưng bày ra trước mắt của mọi người.

- Ông có tin rằng ông Reuben đang muốn xem ai là chủ sở hữu vật đó không?

- Đúng. Nếu tôi nhận tiền đền bù của ông hầu tước thì ông Reuben sẽ đi thương lượng với ông này để có được chiếc cốc Nhưng, là chủ sở hữu của nó tôi sẽ tìm cách thu hồi lại báu vật của mình.

- Có nghĩa là ông đang thu xếp để ăn cắp lại nó từ ông Reuben ư?

- Không phải là ăn cắp, ông Poirot. Tôi chỉ giành lại cái đó thôi.

- Nhưng ông đã không đạt được điều đó ư?

- Vì một lý do đặc biệt, ông Reuben không có chiếc cốc đó trong tay.

- Tại sao ông biết?

- Có một sự hợp nhất trong tổ chức kinh doanh dầu lửa. Bây giờ lợi ích của tôi và ông Reuben là như nhau. Chúng tôi không còn là kẻ thù mà trở thành đồng minh của nhau. Ông ta đã cam đoan với tôi là chưa bao giờ ông có chiếc cốc ấy trong tay.

- Và ông tin ông ấy?

- Phải.

- Như vậy mười năm qua ông chạy theo một cái đích sai lầm, đúng không?

- Không thể bằng cách nào khác - Nhà tài chính thú nhận với một giọng cay đắng.

- Và bây giờ, tất cả đều làm lại từ đầu. Tôi là thám tử, tôi có bốn phận đưa ông tới một cái đích chính xác, đúng không? Người ta đã giậm chân tại chỗ từ khi...

- Nếu công việc là dễ dàng thì tôi đã không mời ông tham gia - Power nói với vẻ thiếu nhã nhặn - Đúng rồi nếu ông thấy không thể... Ông ta đang tìm một danh từ nhẹ nhàng hơn. Poirot đứng lên nói một cách khô khan:

- Từ "không thể" là không có đối với tôi, thưa ông. Tôi chỉ tự hỏi công việc có thú vị đến mức làm tôi hăng hái lên không.

- Việc này có lợi ích của nó: ông cho tôi biết số tiền thù lao.

- Chúng ta sẽ nói đến nó khi công trình nghệ thuật ấy được tìm ra, được không?

- Tùy ý ông. Tôi không chấp nhận sự thất bại.

- Trong trường hợp ấy... tôi hiểu.

* * * * *

Thanh tra cảnh sát Wagstaffe tỏ rõ sự quan tâm của mình.

- Chiếc cốc Veratrino ư? Phải, tôi nhớ rất rõ. Tôi biết nói tiếng Ý nên người ta cử tôi để hợp tác với cảnh sát ở đây. Và chúng tôi không thể nào tìm ra đồ vật ấy.

- Theo ông thì tại sao? Người ta đã bán nó đi rồi ư?

- Theo tôi ngờ... tuy vẫn có thể là như vậy. Theo tôi thì rất đơn giản. Người ta đã giấu nó ở đâu đó... và một người duy nhất biết ở đâu thì lại chết rồi.

- Ông muốn nói đến Casey ư?

- Phải. Có thể hẳn thường qua lại Ý. Hẳn đã giấu chiếc cốc ở đây và từ ngày ấy đến nay không ai động đến.

- Casey có nhà riêng không?

- Có... ở Liverpool - Viên thanh tra cười - Chiếc cốc không nằm dưới sàn nhà đâu. Chúng tôi tìm rồi.

- Gia đình hẳn ra sao?

- Người vợ bị ho lao... Tuy chồng như vậy nhưng bà ta vẫn là người mộ đạo, không muốn rời bỏ hẳn. Bà ta đã qua đời cách đây một vài năm. Người con gái rất giống mẹ... Cô ta đã đi tu. Người con trai sang Mỹ để lập nghiệp.

- Có thể người con gái biết nơi cất giấu, đúng không?

- Tôi không tin. Chiếc cốc cũng sẽ được đem đi bán.

- Hay là người ta đã nấu chảy nó rồi?

- Rất có thể. Nhưng tôi cũng không tin. Chiếc cốc có giá trị sưu tầm. Mà muốn có được nó thì người ta có thể làm bằng mọi cách.

- Thế còn hai tên kẻ cắp kia?

- Ricovetti và Dublay sắp được tha.

- Dublay là người Pháp chứ?

- Đúng. Hẳn là đầu não của bọn trộm cắp.

- Bọn này còn những ai nữa?

- Một cô gái tên là Kate. Làm nghề hầu phòng để làm nội ứng. Cô ta đã đi Úc sau khi băng nhóm tan rã.

- Còn ai nữa?

- Còn Yougonian, hẳn có một cửa hàng nhỏ ở Paris. Người ta không tìm được lý do gì để bắt nên vẫn canh chừng hẳn. Poirot thở dài nhìn sổ ghi chép: Mỹ, Úc, Ý, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ,...

- Có lẽ ta phải đi vòng quanh thế giới - Anh lẩm bẩm.

- Ông nói gì?

- Tôi nói một vòng thế giới mà tôi sẽ phải đi.

* * * * *

Poirot có thói quen thảo luận với Georges, người hầu phòng thân tín.

- Georges, nếu anh phải đến năm nơi trên thế giới thì anh sẽ làm như thế nào?

- Đường hàng không là nhanh nhất, thưa ông chủ. Nhưng dễ bị đau tim.
- Hỏi ý kiến của ai là tốt nhất?
- Thưa ông, ông hãy hỏi công ty Du lịch.

Hercule Poirot tự nhủ:

- Với thân chủ của mình, Emery Power, cái quan trọng nhất là hành động. Nhưng, không để mất sức lực, tiền của vào những việc vô ích. Không thể làm khác mọi người được... nhất là khi không cần để ý đến tiền bạc.

Poirot đứng lên, tới bàn giấy, rút một tập hồ sơ, lấy một tấm phiếu ghi hai chữ "Thám tử".

- Georges, tôi đọc, anh ghi cho tôi... Hankerton, New York; Laden và Bosher, Sydney; Giovanni Mezzi, Rome; Nahum, Constantinople; Rogers và Franconnaed, Paris...

Anh đợi cho Georges viết xong.

- Được rồi, anh tìm cho tôi giờ tàu đi Liverpool.
- Vâng, ông chủ đi Liverpool ngay bây giờ ư?
- Phải. Có thể tôi còn đến nhiều nơi khác nữa. Nhưng sẽ tính sau.

* * * * *

Ba tháng sau, đứng trên bờ biển lởm chởm đá, Hercule Poirot nhìn ra đại dương. Chim mòng biển từ trên cao lao vút xuống mặt nước. Không khí ẩm ướt. Poirot có cái cảm giác của những người lần đầu đặt chân lên Inishgowlen như đến tận cùng của trái đất. Chưa bao giờ anh hình dung ra một phong cảnh quyến rũ lại ở một nơi xa xôi hẻo lánh đến như vậy. Ở phía tây nước Ai Nhĩ Lan này, xưa kia những người lính La Mã đã xây dựng những công sự kiên cố và những con đường lát đá. Hercule Poirot nhìn xuống đôi giày của mình và thở dài. Ở đây người ta phải quên đi những thói quen trong cuộc sống thường ngày. Phía xa là những hòn đảo giàu có của đất nước tươi trẻ này... Một tiếng chuông nhà thờ ngân vang. Tiếng chuông mà anh quen thuộc từ thời thơ ấu.

Anh lại tiếp tục cất bước. Mười phút sau anh đứng trước một bức tường cao có cửa bằng sắt. Hercule Poirot đến gần và giật dây chuông. Một bộ mặt hiện ra trong một ô vuông nhỏ trên cánh cửa. Người ta hỏi anh muốn gì. Giọng nói của một phụ nữ.

- Đây có phải là tu viện Sainte-Marie không?
- Nhưng ông muốn gì? - Tiếng nói gay gắt của người phụ nữ cao lớn cất lên. Hercule Poirot không muốn trả lời câu hỏi thiếu nhã nhặn ấy.
- Tôi muốn gặp Mẹ bề trên - Anh nói với bà ta.

Có tiếng kéo then cửa. Cửa mở và người ta đưa anh đến một phòng đợi nhỏ. Rồi nhà tu hành xuất hiện với chuỗi hạt trên cổ. Hercule Poirot là người Công giáo và không khí ở đây không xa lạ với anh.

- Xin Mẹ tha lỗi nếu con làm Mẹ bận rộn. Nhưng trong các xơ ở đây có xơ nào tên Kate Casey không?

Mẹ bề trên nghiêng đầu.

- Đúng thế, tên thánh của xơ ấy là Marie-Ursule.

- Xơ Marie-Ursule có thể giúp đỡ con. Xơ có nhiều thông tin rất quan trọng đối với con.

Mẹ bề trên lắc đầu, nét mặt vô cảm.

- Xơ Marie-Ursule không thể giúp con được gì đâu.

- Nhưng con tin rằng...

- Xơ Marie-Ursule đã qua đời cách đây hai tháng.

* * * * *

Trong phòng khiêu vũ của khách sạn Jimmy Donovan ngồi trên ghế quay lưng vào tường. Khách sạn này không mấy thuận tiện. Lò xo giường nhiều chiếc bị gãy. Không có nước nóng. Thức ăn làm anh đầy bụng, khó tiêu. Có năm người ngồi trong phòng và họ đang nói chuyện chính trị. Hercule Poirot mới quen biết họ nên có phần nào lo ngại. Anh quay sang người ngồi gần đấy. Khác với mọi người, anh ta có vẻ như một người thi thành sa sút.

- Hãy tin tôi, thưa ông - Anh ta nói với vẻ nghiêm chỉnh - con Pegeen's Pride không mang lại may mắn... Ông đánh bao nhiêu? Ông có biết tôi là ai không? Atlas... Tôi thắng cuộc suốt mùa... Tôi đã đặt vào con Larry's Girl bao nhiêu? Hai mươi năm trên một... Cứ đi theo tôi, ông không bao giờ thua cuộc.

Hercule Poirot nhìn anh ta với vẻ kính phục.

- Trời - Anh ta nói - đây là điềm xấu! - Và giọng anh ta run lên.

* * * * *

Sau đó một vài tiếng đồng hồ, mặt trăng hiện lên sau một đám mây để rồi biến mất. Poirot và người bạn mới của mình đã đi được vài km. Nhà thám tử đi khắp khiêng. Có lẽ đôi giày của anh không thích hợp với những chuyến đi nông thôn.

- Nói xem - Người cùng đi lên tiếng - Ông tin chắc rằng ông tu viện trưởng sẽ nói gì? Tôi không có tội lỗi gì để phải hối hận trong lương tâm cả, ông biết đấy.

- Ông chỉ làm cái việc của Xê-da lại trả cho Xê-da thôi - Poirot trả lời một cách chắc chắn.

Họ đã đi tới chân tường của tu viện. Atlas rên rỉ, anh ta cảm thấy mình "trống rỗng". Nhà thám tử nói một cách cương quyết:

- Bình tĩnh! Đây anh không chỉ đối mặt với mọi người mà với Hercule Poirot.

* * * * *

Atlas cẩn thận gấp những tờ bạc năm li-vơ.

- Có thể là ngày mai tôi không nhớ bằng cách nào mà tôi thắng cuộc. Tôi rất sợ ông O' Reilly...

- Hãy quên đi tất cả, anh bạn. Ngày mai, thế giới này là của chúng ta.

- Đúng là Working Lad. Nó là một con ngựa! Rồi Sheila Boyne nữa, nó sẽ bày chống lại một... Ông không nói gì về thượng đế của thời xưa chứ... Hercule? Có một Hercule sẽ đưa vào ngày mai.

- Anh bạn, hãy đặt cuộc vào Hercule. Hãy tin tôi, không thể thua được.

- Hôm sau, con Hercule của ông Rosslyn thắng con Boynan Stakes sáu mươi trên một.

* * * * *

Với một vẻ thận trọng, Poirot mở cái gói ra. Trước hết là tờ giấy màu xám, sau đó là một lớp bông và cuối cùng là tờ giấy lụa. Sau đó anh đặt lên bàn của Emery Power một chiếc cốc lấp lánh đá quý. Nhà tài chính nín thở.

- Xin có lời khen, ông Poirot - Cuối cùng ông ta nói, nhà thám tử nhẹ nhàng cúi đầu. Emery Power giơ tay sờ lên miệng cốc.

- Đây là của tôi ư? - Ông ta hỏi với giọng trầm.

- Vâng, đây là của ông. - Poirot thở dài, đứng lên, tay vin vào lưng ghế.

- Ông tìm thấy nó ở đâu? - Ông ta hỏi một cách vô tư.

- Trên một bàn thờ.

Power giật mình.

- Phải. Con gái của Casey là người mộ đạo. Khi người cha qua đời, cô ta thực hiện những lời dặn lại của cha. Cô ta dốt nát nhưng tin vào Chúa. Chiếc cốc được giấu ngay trong nhà của Casey ở Liverpool. Cô ta mang nó vào một nhà tu với ý nghĩ, tôi giả thiết, là chuộc lỗi cho cha. Tôi không nghĩ rằng những người tu hành không biết gì về giá trị của những đồ vật. Trước mắt họ, đây chỉ là một cốc rượu lễ và người ta phải dùng đúng chức năng của nó.

- Một câu chuyện kỳ lạ. Ai đã gợi ý cho ông tới đó?

Poirot nhún vai.

- Tôi dùng phương pháp loại trừ. Tôi đã ngạc nhiên khi thấy không có một vụ mua bán nào đối với chiếc cốc. Cái đó cho phép tôi nghĩ, hẳn là nó ở nơi dùng theo đúng công dụng vật chất của nó. Và tôi nhớ là con gái của Patrick Casey là người mộ đạo. Tôi đã nói và tôi xin nhắc lại: mộ đạo.

- Thật đáng khen. Xin ông đưa tôi một bản kê tiền thù lao và tôi sẽ đưa cho ông một tờ séc.

- Tôi không lấy tiền thù lao.

- Thế nào? - Power ngạc nhiên hỏi lại.

- Khi còn bé chắc hẳn ông đã đọc truyện cổ tích trong đó ông vua thường hỏi: "Hãy cho ta biết nhà người yêu cầu cái gì?"...

- Ông muốn yêu cầu cái gì?

- Có đấy. Nhưng không phải là tiền. Tôi chỉ có một yêu cầu nhỏ.

- Là cái gì? Có phải là một khoản trợ cấp không?

- Đấy cũng là một hình thức tiền. Không, đơn giản hơn kia.

- Thế nào?

Hercule Poirot đặt tay lên chiếc cốc.

- Trả lại nó về tu viện.

Có một giây yên lặng.

- Ông điên đấy ư? - Emery Power hỏi.

Hercule Poirot lắc đầu.

- Không. Không điên chút nào. Xin ông nhìn đây.

Anh cầm chiếc cốc lên. Bằng móng tay anh đưa vào miệng con rắn quấn quanh thân cây và ấn xuống. Một cánh cửa sập rất nhỏ mở ra.

- Ông nhìn đây! Chính bằng cái cửa này mà người ta cho thuốc độc vào đồ uống. Ông đã nói chiếc cốc có một lịch sử ma quái. Nó đã để sau nó bạo lực và đau khổ. Làm thế nào biết được rồi đây ai là người bị hại?

- Mê tín, dị đoan!

- Có thể! Nhưng tại sao ông lại muốn giữ nó? Không phải vì cái đẹp, cũng không phải vì giá trị. Ông đã có hàng trăm, có thể hàng ngàn vật quý, hiếm. Ông muốn có được uy tín. Ông không chịu thua cuộc. Ông đã thắng cuộc. Chiếc cốc đã nằm gọn trong tay ông. Nhưng tại sao ông lại không đưa ra tiếp một hành động đẹp? Trả lại nó về nơi nó đã ở bình yên trong mười năm qua, trong sự trong sáng. Ngày xưa nó là của nhà thờ, bây giờ trả nó về nhà thờ. Ông để tôi vẽ sơ đồ nơi tôi tìm thấy nó... Khu vườn Hòa bình trông ra biển hướng về một Thiên đường xa xăm của sự tốt đẹp và vĩnh cửu của tuổi trẻ.

Anh đang mô tả vùng Irishgowlan theo cách của mình. Emery powerduwa một tay lên che mắt. Ông yên lặng.

- Tôi sinh ra bên bờ biển của nước Ái Nhĩ Lan - Cuối cùng ông Power nói - Tôi sang Mỹ từ khi tôi còn là đứa trẻ. Nhà tài chính đứng lên, mặt sáng lên một lần nữa.

- Ông là một con người lạ lùng, thưa ông Poirot. Ông hãy làm như ông muốn. Mang chiếc cốc này trả lại cho tu viện, thay tôi tặng lại tu viện. Một tặng phẩm rất đắt giá, ba mươi ngàn li-vơ... đổi lại, liệu tôi có được cái gì nhỉ?

- Tu viện sẽ cầu nguyện cho ông trong các buổi lễ - Poirot nói một cách nghiêm trang.

Một nụ cười tham lam trên mặt của Power:

- Dù sao đây cũng là một nơi đầu tư tốt! Đây là việc tốt nhất mà tôi chưa từng làm...

* * * * *

Trong một hành lang nhỏ của tu viện, Poirot kể lại câu chuyện và đưa chiếc cốc rượu lễ cho Mẹ bề trên.

- Nói lại là chúng tôi cảm ơn ông ấy và chúng tôi sẽ cầu nguyện cho ông ấy.

- Ông ấy rất cần cầu nguyện.

- Có phải đây là một con người khốn khổ không?

- Rất khốn khổ vì ông ấy không biết thế nào là hạnh phúc. Rất khốn khổ vì ông ấy không biết mình là ai nữa.

- A! Thế thì đây là một người rất giàu...

Poirot không trả lời... anh không còn gì để nói cả.

Chiếc rương oan nghiệt

Thám tử Poirot bước vào phòng làm việc. Ông đưa tay chào cô Lemon, thư ký riêng của ông. Như thường lệ, ông lật tờ báo buổi sáng trên bàn ra xem. Tin một vụ án mạng đăng trên trang nhất làm ông chú ý. Sáu nhân vật gồm thiếu tá Ritz, ông bà Clayton, trung tá hải quân Mac Laren, ông bà Spend cũng tham dự một bữa tiệc chiêu đãi, nhưng chỉ có năm người ăn uống và khiêu vũ, còn người thứ sáu đã nằm chết cứng trong rương không biết từ lúc nào? Cạnh bản tin, có in hình một phụ nữ rất đẹp, bà Clayton, vợ nạn nhân. Poirot đưa tờ báo cho cô thư ký.

- Cô hãy nhìn kỹ mặt người này, cô thấy thế nào?

- Tôi biết bà này. Trước kia bà ta là vợ ông Giám đốc Ngân hàng nhưng lại ngoại tình với một ông nghệ sĩ. Ông chồng ghen đến nỗi tự sát bằng một viên đạn vào đầu. Sau bà ta cũng không lấy chàng nghệ sĩ, khiến chàng ta tuyệt vọng nhảy lầu tự tử, may mà được cứu sống.

Poirot gật gù:

- Ghê thật, giờ bà ta lại liên quan đến một xác chết. Phiên cô hãy tóm tắt lại các bài báo nói về vụ án này rồi báo cáo cho tôi rõ.

Hôm sau, cô Lemon trình bản báo cáo: "Thiếu tá Ritz, 48 tuổi, nhà giàu, độc thân. Tối hôm đó, ông mời vài người bạn đến nhà chơi. Họ gồm có ông bà Clayton, ông bà Spend và trung tá hải quân Mac Laren, 46 tuổi. Ông này là bạn thân của Ritz và vợ chồng Clayton. Bà Clayton nhũ danh Marguerita, 37 tuổi, rất trẻ so với chồng đã 55 tuổi. Đến phút chót, ông Clayton phải đi Ecot có việc gấp nên không dự cuộc vui được. Buổi tiệc kéo dài đến 11 giờ 45, mọi người ra về cùng trên một chiếc taxi. Mac là người đầu tiên bước xuống xe để vào câu lạc bộ của ông, sau đó vợ chồng Spend đưa bà Clayton về nhà trước khi quay lại nhà mình. Sáng hôm sau, người làm của Ritz là William phát hiện ra ông Clayton bị đâm vào cổ, chết cứng trong chiếc rương gỗ từ lâu vẫn để ở phòng khách. Bà Clayton khai là bà nhìn thấy chồng lần cuối vào lúc 6 giờ chiều hôm đó, ông về nhà với vẻ buồn phiền vì phải đi Ecot, không đến nhà Ritz được. Sau đó, ông qua Câu lạc bộ uống một ly rượu với Mac. Trước khi đi, ông có điện thoại cho Ritz nhưng đường dây bị bận. Anh hầu William khai rằng, tối hôm đó, khoảng gần 8 giờ, ông Clayton có ghé nhà. Vì Ritz chưa về nên ông ngỏ ý muốn viết vài chữ cho bạn. Thế là anh ta vào phòng khách rồi xuống bếp lo chuẩn bị bữa tiệc. Một lát, ông chủ lò đầu vào cửa bếp sai anh đi mua gói thuốc lá cho bà Spend. Khi trở về, anh chỉ thấy chủ anh ngồi trong phòng khách, không biết ông Clayton đã về từ lúc nào. Thiếu tá Ritz thì cho biết, khi về nhà, ông không thấy Clayton, cả thư từ để lại cũng không nốt. Mãi đến khi các bạn đến, ông mới hay ông ta đã đi Ecot. Hiện giờ, bà Clayton đau khổ bỏ nhà đi đâu không rõ, còn thiếu tá Ritz đã bị bắt vì bị tình nghi là thủ phạm".

- Tôi nghĩ đến Ritz rất nhiều. Còn cô, cô có nghi cho anh ta không?

- À, người ta còn bảo rằng, Ritz và bà Clayton là nhân tình của nhau... nhưng đó chỉ là lời đồn.

- Cứ giả dụ hai người yêu nhau đi, Ritz muốn khử anh chồng để được tự do với người đẹp... có thể hai người đã cãi lộn, Ritz rút dao đâm Clayton, xong giấu xác trong rương. Rồi khách khứa đến, Ritz vui chơi cùng họ, sau đó, thản nhiên đi ngủ...

-Ồ, không thể được... - Cô Lemon kêu lên.

-Ồ! - Poirot kêu lên - Cô cũng nhận xét như tôi, đúng không? Tôi nghĩ rằng, Ritz không thể ngốc nghếch đến như vậy. Nếu muốn giết Clayton, anh ta phải đợi dịp khác.

Chuông điện thoại reo, Poirot nhắc máy:

- Tôi, Poirot nghe đây.

- Ôi, may quá - Một giọng phụ nữ cất lên ấm áp - Tôi là Chatteton, mời ông vui lòng đến dự tiệc rượu tại nhà riêng của tôi. Xin ông đừng từ chối. Tôi có việc rất cần, mong ông giúp đỡ.

Bà Chatteton đón thám tử Poirot ngay cửa ngôi biệt thự lộng lẫy. Bà kín đáo đưa ông lên cầu thang. Đến trước một căn phòng, bà mở nhẹ cánh cửa.

- Marguerita, mình đã mời được rồi.

Bà né sang bên để Poirot bước vào. Bà giới thiệu:

- Đây là Marguerita Clayton, người bạn rất thân của tôi. Bạn tôi rất cần được ông giúp đỡ.

Bà Clayton đang ngồi bên cửa sổ, đứng lên tiến lại gần Poirot. Đó là một thiếu phụ có nhan sắc vô cùng quyến rũ. Mái tóc rẽ ngôi giữa, để lộ một vầng trán rộng, đôi mắt nâu thăm thẳm, mũi cao, miệng hình trái tim. Chiếc áo dài đen ôm lấy thân hình thon thả, nổi bật làn da trắng mịn như cánh hoa ngọc lan. Bà cất giọng trong vắt:

- Bạn tôi nói là... Ông có thể giúp tôi?

- Bà tin như thế sao? Vậy... bà muốn gì ở tôi?

-Ồ... tôi cứ tưởng... Ông đã biết tôi là ai.

- Tôi biết chứ. Chồng bà vừa mới bi... và anh chàng thiếu tá ấy đã bị dẫn về bót.

- Không - Bà Clayton kêu lên - Ritz không giết anh ấy đâu!

- Có lẽ bà sẽ ngạc nhiên khi tôi hỏi bà một câu không giống với câu hỏi của cảnh sát. Thay vì "Tại sao Ritz giết chồng bà?", tôi chỉ muốn hỏi bà rằng: "Tại sao bà biết chắc là Ritz không giết chồng bà?".

- Vì... vì tôi biết rất rõ về anh ấy. Biết rõ từ 5, 6 năm nay rồi. Tôi muốn... không ai được nghi ngờ anh ấy.

- Bà hãy trả lời thành thật. Nhớ nhé. Bà phải nói thật.

- Vâng. Tôi sẽ nói thật.

- Thiếu tá Ritz yêu bà?
- Đúng như thế.
- Còn bà?
- Tôi... tôi nghĩ rằng có, nhưng ông đừng hiểu là chúng tôi đang có sự gắn bó thân mật. Tôi rất tôn trọng chồng tôi.
- Bà có yêu ông nhà không?
- Không.
- Bà thành thật rất đáng khen. Bà kết hôn từ bao giờ?
- Đã mười một năm.
- Ông ấy là người như thế nào?
- Anh ấy là một chuyên gia giỏi, thông minh nhưng rất kín đáo, anh ấy không bao giờ nói về cái tôi của mình.
- Ông ấy yêu bà chứ?
- Vâng, chắc chắn như thế. Nhưng - Bà ngập ngừng - Anh ấy... rất hay ghen.
- Xin lỗi, tôi nói bà đừng giận. Bà thuộc tuýp phụ nữ xuất hiện đến đâu là gây bi kịch đến đó. Chính thái độ thờ ơ của bà đã làm biết bao người say mê cuồng dại. Có người còn đâm đầu từ lầu cao xuống đất nữa kia đấy.
- Tôi... tôi hoàn toàn không có lỗi trong vụ anh chàng đó tự tử. Hơn nữa, đó là chuyện quá khứ, mong ông đừng nhắc lại.
- Thôi được rồi. Trở lại chuyện thiếu tá Ritz, căn cứ vào báo chí, hai người có khả năng giết chồng bà nhất là Ritz và anh chàng người làm.

Bà Clayton bướng bỉnh nhắc lại:

- Không, Ritz không thể làm việc ấy.
- Vậy thì anh người làm ư? Anh ta không có lý do gì để giết chồng bà cả. Xin bà kể lại sự việc diễn ra trong buổi tối hôm đó.
- Vâng - Bà Clayton trầm ngâm - Buổi tiệc rất vui. Ritz có một giàn âm thanh stéreo tuyệt vời, nhạc hay, chúng tôi khiêu vũ...

Poirot ngắt lời:

- Tôi muốn biết tại sao chồng bà lại có ý định đi Ecot?
- Tôi cũng không rõ. Chiều hôm đó anh ấy về nhà với bức điện trên tay, anh nói: "Tiếc quá, anh phải đi Ecot, không đến nhà Ritz cùng em được. Em có thể nhờ Mac đón hoặc đi taxi nhé". Đó là lần cuối cùng tôi trông thấy anh ấy.
- Ông nhà có đưa bức điện cho bà xem không?
- Không.

- Thật đáng tiếc. Xin bà vui lòng viết thư giới thiệu tôi cho những người bạn của bà. Tôi cần gặp họ mà không muốn bị mời ra khỏi cửa. Chính tôi sẽ tự mình đánh giá họ, nhưng tôi cũng muốn biết cảm tưởng của bà đối với những người này ra sao?

- Mac là một trong những bạn lâu năm nhất của chúng tôi. Tôi biết anh ấy hồi tôi còn rất trẻ. Anh ấy tính lầm lì, không vui vẻ nhưng giàu nghị lực và đáng yêu.

- Chắc là... Ông ấy cũng yêu bà?

Bà Clayton trả lời rất tự nhiên:

- Ờ, có chứ. Anh ấy yêu tôi từ lâu. Nhưng yêu để mà yêu thôi, giữa chúng tôi có một khoảng cách.

- Còn ông bà Spend?

- Họ vui nhộn, dễ gần. Bà vợ Linda thông minh và có duyên, nhưng tôi không ưa chị ấy lắm, vì chị ấy hay đùa dai.

Ra về, hình ảnh xinh đẹp của bà Clayton bám mãi vào đầu óc Poirot. Phải chăng bà ta thuộc loại "phụ nữ trẻ con", luôn luôn nói "Tôi không biết gì" và tin đó là sự thật.

* * * * *

Thanh tra cảnh sát Mile nhìn thám tử Poirot, nheo mắt:

- Ông định lật ngược thế cờ ư? Không có chuyện đó đâu, chắc chắn Ritz là thủ phạm.

- Thế còn tên người làm?

- Anh ta hoàn toàn trong sạch. Ông muốn đổ lỗi cho anh ta để làm vui lòng người đẹp chớ gì? Ông nên biết rằng, nếu có điều kiện, chính tay bà ta gây án chứ không phải nhờ đến tình nhân đâu. Rồi ông sẽ ngạc nhiên, tôi đã từng biết một phụ nữ...

- Thôi, chúng ta đừng tranh cãi nữa. Tôi mong anh cung cấp cho một vài chi tiết, nạn nhân chết lúc mấy giờ? Vết thương ra sao?

- Án mạng xảy ra từ 10 đến 13 giờ đêm hôm trước. Một nhát dao vào tĩnh mạch cổ, loại dao nhỏ và sắc như dao cạo. Anh người làm khai là trong nhà không hề có loại dao này.

- Tôi muốn biết về bức điện...

- Người ta không tìm thấy bức điện ấy, nhưng theo suy luận thì phải có. Chính ông Clayton cũng nói với anh người làm và cả với trung tá Mac về bức điện từ Ecot.

- Mac và Clayton gặp nhau lúc mấy giờ?

- Họ uống với nhau ở Câu lạc bộ lúc 7 giờ 15, rồi Clayton đi taxi đến nhà Ritz lúc gần 8 giờ.

- Có ai nhận thấy thái độ khác thường của Ritz tối hôm đó không?
- Bà Spend nói, suốt buổi tiếp tân, Ritz có vẻ đáng trí hơn thường nhật. Đó là điều dĩ nhiên thôi, vì anh ta đang suy nghĩ là nên thủ tiêu cái xác trong rương như thế nào? Mà cũng lạ đấy, tại sao hắn không vứt cái xác ngay trong đêm ấy nhỉ. Hắn có xe riêng, lại mạnh khỏe, đủ sức làm việc đó. Vậy mà bỏ đi ngủ tỉnh queo, rồi lại dậy trễ nữa chớ. Chính cảnh sát đến nhà lôi đầu hắn ta dậy đấy.
- Ritz đi ngủ bình thản như một người lương tâm chưa bị vấn đục.
- Nếu điều đó làm ông vui mừng thì tùy ông. Ông tin hắn vô tội thật sao?
- Tôi cần tìm hiểu một vài điều.

Người đầu tiên Poirot tìm gặp là trung tá hải quân Mac Laren. Đó là một người cao to, da rám nắng, nét mặt khắc khổ. Cầm lá thư của bà Clayton trên tay, Mac khó thể từ chối trả lời những câu hỏi của thám tử Poirot:

- Ông tin chắc Ritz là thủ phạm sao?
- Rất chắc. Nhưng tôi không nói điều này với Marguerita nếu cô ấy vẫn cho rằng hắn vô tội. Tôi rất muốn chiều lòng cô bạn nhỏ của tôi.
- Ông ấy có bất hòa với ông Clayton không?
- Hoàn toàn không. Hai người rất thân nhau mới lạ chứ.
- Vậy còn tình cảm riêng tư giữa thiếu tá và bà Clayton?
- Đó là miệng lưỡi đơm đặt của báo chí. Ông tin làm gì?
- Ông gặp ông Clayton lần cuối cùng vào lúc nào?
- Chúng tôi gặp nhau trong Câu lạc bộ, cùng uống một ly rượu. Rồi sau đó, ông ta nói đến một bức điện, bảo là phải đi Ecot ngay. Ông nhờ tôi đưa bà vợ về sau buổi tiệc.
- Ông có xem bức điện ấy không? Ông ấy có lộ vẻ nghi ngờ gì về tính xác thực của bức điện không?
- Tôi không được thấy bức điện. Còn nghi ngờ à? Lại thế nữa đấy! Có ai muốn đẩy anh ta đi Ecot sao?
- Đó là một câu hỏi cần được giải đáp.

Bà Spend tiếp thám tử Poirot tại phòng khách ngôi nhà nhỏ của vợ chồng bà. Bà có mái tóc uốn xù, nước da ngăm đen, dáng người gầy guộc. Bà hỏi thám tử về sốt sắng:

- Ông đã gặp Marguerita à? Chị ấy đang ở đâu thế?
- Xin lỗi, tôi không được phép nói, thưa bà.
- Chà, cô bé trốn giỏi thật. Thế nào cũng phải ra tòa làm chứng cho mà xem. Còn ông, ông đang tìm bằng chứng để cứu Ritz ư? Hảo huyền quá. Tôi chắc chắn anh ta là thủ phạm.

- Trong buổi tối khủng khiếp ấy, bà thấy Ritz thế nào?

- Ờ, anh ấy không còn là anh ấy nữa, anh ấy khác hẳn. Mà không khác sao được, anh ấy vừa mới đâm bạn mình mà.

- ... À... tôi thấy anh ấy đáng trí và tôi đoán là phải có một cái gì đó không bình thường.

- Bà có nghi ngờ gì về bức điện không?

- Nếu đó là bức điện giả thì tôi cũng chả ngạc nhiên. Marguerita có thể lừa chồng đi xa để anh chị tha hồ tưới mát.

- Ông Clayton có nghi ngờ chuyện này không?

- Anh ấy biết nhưng không lộ ra. Anh chịu đựng rất giỏi, dù tính rất hay ghen. Anh ghen dữ lắm, ghen một cách bệnh hoạn.

- Còn Mac?

- Anh ấy là người bạn trung thành của Marguerita. Anh cũng mê cô ta như điều đồ. Đôi mắt cô ta lúc nào cũng lơ lơ con nai vàng, khiến bao nhiêu gã đàn ông phải chết mệt.

- Ông Clayton cũng ghen với Mac chứ?

- Ồ không. Vì Marguerita không yêu anh ấy. Thật vô lý, anh ấy cũng đáng yêu đấy chứ.

Trái với bà vợ, ông Spence tỏ vẻ không muốn dây vào vụ án này. Ông trả lời rất nhát gừng:

- Chúng tôi quen vợ chồng Clayton từ lâu nhưng không biết rõ Ritz lắm. Anh ấy bề ngoài rất dễ gây cảm tình với người khác. Tối hôm đó, Ritz hoàn toàn bình thường, quan hệ giữa Clayton và Ritz bao giờ cũng thân ái, thật khó mà giải thích được vụ này.

- Ông có nghĩ rằng, bà Clayton đã âm mưu với Ritz để...

- Tôi không nghĩ gì cả. Tôi đã mất quá nhiều thì giờ với cảnh sát. Bây giờ đến ông nữa!

* * * * *

Ngồi trước mặt Poirot là kẻ bị tình nghi giết bạn. Thiếu tá Ritz có chiếc cằm vuông lộ vẻ cương quyết, dáng cao to, khỏe mạnh.

- Thật là thiếu khôn ngoan khi bà Clayton muốn ông đến gặp tôi - Ritz nói nhỏ - Vì ở đây, họ đang tìm cách chứng minh có sự thông đồng giữa tôi và bà ấy. Ông hãy nhớ rằng, chúng tôi chỉ là bạn, giá như bà ấy không hành động gì cho tôi cả còn hơn.

- Tôi đã nghiên cứu cuộc đời binh nghiệp của ông. Ông đã được thử lửa, và ông đủ khôn ngoan để không giết người trong một điều kiện như vậy. Bây giờ xin ông nói về người hầu của ông, anh ta cũng có thể giết ông Clayton lắm chứ.

- Đúng theo lập luận của ông, ngoài tôi ra, hẳn là người duy nhất có điều kiện để giết ông Clayton, nhưng tôi không tin như thế.

- Tôi sẽ đến gặp anh ta. William không ngạc nhiên khi thấy thám tử Poirot đến tìm.

- Chào ông. Trung tá Mac đã điện thoại cho tôi biết là ông sẽ đến.

Bước vào phòng khách, Poirot nhìn bao quát:

- Đây là nơi xảy ra án mạng? Chiếc rương đâu?

Vừa hỏi ông vừa quan sát anh người làm. Đó là một thanh niên gầy gò, da trắng, rụt rè, giọng nói hơi quê. Một con người như thế khó mà trở thành kẻ sát nhân được.

- Thưa ông, chiếc rương đây ạ.

Poirot nhìn chiếc rương dựa vào tường gần cửa sổ, một bên là máy quay đĩa kiểu mới, bên kia là một cánh cửa hé mở, khuất sau một tấm bình phong bằng da. William giải thích:

- Đó là cửa thông sang phòng ông thiếu tá.

Rồi anh bắt đầu kể lể:

- "Sáng hôm đó, tôi thu dọn lại phòng. Khi tôi cúi nhặt mấy quả oliu thì thấy một vệt đỏ trên thảm. Mẹ kiếp, máu chắc? Tôi nghĩ một cách bồn chồn, nhưng rồi tôi lạnh cả người khi thấy là máu thật, máu chảy ra từ một kẻ hở nơi rương. Tôi lấy hết can đảm mở nắp rương. Mẹ ơi, một xác người nằm nghiêng, hơi co lại, mắt nhắm nghiền như đang ngủ nếu không có con dao xuyên qua... cổ. Ôi, tôi không thể quên được, kinh khủng quá. Thế là tôi để rơi nắp rương, ba chân bốn cẳng chạy đi tìm cảnh sát".

Poirot nhìn William, hẳn có đóng kịch không nhỉ?

- Sao anh không gọi chủ anh dậy?

- Tôi bị giáng một cú tá hỏa, không còn đầu óc nào để nghĩ đến ai nữa, mà chỉ muốn chuồn ra khỏi phòng càng nhanh càng tốt.

- Anh hãy nhớ lại xem, tối ấy, ông Clayton đến đây lúc mấy giờ?

- Vào khoảng 8 giờ kém 15. Dường như ông ấy sắp lên tàu để đi đâu đó. Tôi đưa ông ấy vào phòng để viết thư cho ông chủ rồi xuống bếp. Sau đó, ông chủ sai tôi đi mua thuốc lá, khi trở về tôi không thấy ông Clayton đâu nữa.

- Không có ai khác vào nhà khi thiếu tá vắng mặt hoặc khi anh còn trong bếp sao?

- Chắc chắn là không, vì cửa trước lúc nào cũng khóa. Muốn vào phải bấm chuông.

Poirot ngăn người suy nghĩ. Đúng, vợ chồng Spend, Mac Laren, bà Clayton không thể lên vào nhà lúc này được. Nếu muốn giết ông Clayton, họ còn biết bao cơ hội. Hay là có một kẻ thù nào đó trong quá khứ của Clayton bất thần

xuất hiện? Ông bước gần nhắc nắp rương. Chiếc rương đã được cọ rửa sạch sẽ. Ông dùng tay sờ vào lớp ván phía trong và khẽ kêu lên:

- Mấy cái lỗ này... hình như vừa được xoi thủng?

Anh người làm cúi xuống:

- Lạ thật, tôi chưa bao giờ thấy những cái lỗ này.

- Khi anh mang thuốc lá về, anh thấy tất cả đồ đạc trong phòng còn nguyên hay là có xê dịch chút đỉnh?

- Hình như... có đấy. Ông hỏi tôi mới để ý. Tấm bình phong đặt trước cửa phòng, giờ bị xích về phía trái.

- Như thế này phải không?

Thám tử Poirot vừa hỏi vừa đẩy tấm bình phong về chỗ cũ.

- Tí nữa, đó, đúng rồi. Trước kia nó ở vị trí ấy.

- Tấm bình phong che chiếc rương và tấm thảm. Nếu thiếu tá đâm Clayton, có thể người ta sẽ trông thấy máu chảy...

Anh người hầu đưa hai tay lên trời:

- Thật khủng khiếp khi nghĩ rằng một người hiền hậu như thiếu tá lại làm một việc tàn ác như vậy.

Thám tử Poirot bắt tay William:

- Cảm ơn sự giúp đỡ của anh.

Về đến nhà, thám tử gọi điện cho thanh tra Mile:

- Phiền anh, anh có giữ cái vali của ông Clayton không? Tôi muốn biết trong đó có gì?

- Ông Clayton đã bỏ quên chiếc vali tại Câu lạc bộ. Bên trong chỉ có ít quần áo và đồ dùng lặt vặt.

Thám tử Poirot lại suy nghĩ. Đúng là vụ án được bố trí công phu. Chiếc vali, tấm bình phong, xác chết như đang ngủ... một vụ án mạng có dự mưu, có chuẩn bị, thủ phạm là ai? Thật đáng tự hào vì đã làm cho Poirot phải điên đầu. Không chần chừ, ông lại gọi đến bà Clayton:

- Xin bà hãy nhớ lại tối hôm đó, bà có để ý đến sự khác thường của tấm bình phong không?

- Tấm bình phong? Đúng, đúng rồi, tấm bình phong không ở vị trí thường lệ.

- Hôm đó bà đã khiêu vũ với ai?

- Với Spend nhiều nhất. Ritz nhảy khéo nhưng không giỏi. Còn Mac không nhảy, anh phụ trách máy quay đĩa.

- Chắc bà đã coi Othello của Shakespeare? Nàng Desdemona trong truyện yêu chồng chân thành, nhưng vẫn dành tình yêu cho những người anh hùng

khác. Nàng yêu một cách ngây thơ và không hiểu thế nào là lòng ghen. Bao nhiêu người đã yêu nàng như điên dại...

- Thực lòng, tôi không hiểu ông định nói gì?

- Tối nay, tôi xin phép được đến thăm bà.

* * * * *

Thám tử Poirot đi cùng thanh tra Mile đến chỗ bà Clayton. Bà tỏ vẻ không vui khi nhìn thấy mặt ông thanh tra cảnh sát. Sau khi mọi người đã yên vị, thám tử Poirot từ tốn:

- Xin hai vị bình tĩnh nghe tôi nói, tôi nghĩ là tôi đã biết được diễn biến đích thực trong căn phòng của thiếu tá Ritz tối hôm xảy ra án mạng. Chúng ta đã bắt đầu cảm tưởng sai lầm là chỉ có hai người, William và Ritz, là có thể giấu được xác chết trong rương. Còn một người nữa, có thể làm được việc ấy.

- Chú nhỏ coi thang máy chắc? - Thanh tra Mile châm biếm.

- Người đó là ông Clayton.

- Sao? Ông ấy lết vào rương sau khi chết à? Ông có điên không?

- Nói ngắn gọn, ông ấy tự nguyện nấp trong rương. Tôi đã trông thấy những cái lỗ mới xuyên thủng nơi thành rương. Để làm gì vậy? Để ông ấy thở. Còn tại sao lại di chuyển tấm bình phong? Để những người dự cuộc vui không nhìn thấy chiếc rương. Như vậy, thỉnh thoảng ông ấy có thể mở nắp, co duỗi chân tay và hơn thế nữa, nghe thiên hạ nói gì.

Bà Clayton mở to mắt:

- Tại sao anh ấy lại làm như vậy?

- Đơn giản thôi. Ông ấy ghen. Ông ấy cần biết bà có đúng là người tình của Ritz không? Một bức điện không ai nhìn thấy, chiếc vali đã chuẩn bị để rồi bỏ quên nơi câu lạc bộ. Ông ấy đến nhà Ritz sau lúc gọi điện để biết chắc Ritz vắng nhà. Ông tạo cơ hội để vào phòng khách một mình, xê tấm bình phong lại, xuyên lỗ vách rương và chui vào trong. Ông ấy muốn biết sau đêm vui, bà có ở lại với Ritz không? Lòng ghen hờn đã dày vò ông dữ dội.

Mile nói lớn:

- Nhưng ông không định nói là ông ta tự đâm dao vào cổ chứ?

- Không. Đã có người làm việc đó. Các vị hãy nghĩ đến những nhân vật trong Othello! Có một người bạn thật thà trung thành nhưng lại nuôi dưỡng lòng ghen tuông của ông Clayton và đẩy nó đến bùng nổ. Clayton có tự mình nghĩ ra việc nấp trong rương? Không chắc đâu. Rồi buổi tiếp tân diễn ra, ánh sáng trong phòng mờ mờ êm dịu, hai cặp khiêu vũ... Trong khi đó, người phụ trách máy quay đĩa ngay bên chiếc rương có tấm bình phong che khuất, lén đến bên tấm bình phong, mở nắp rương và đâm...

- Nhưng Clayton sẽ kêu lên ngay.

- Không, ông không kêu vì đã bị đánh thuốc mê. William khai xác chết giống như người đang ngủ. Clayton ngủ vì liều thuốc của người bạn cùng uống với ông ở Câu lạc bộ.

- Mac ư? Không, tôi biết rõ anh ấy mà. Tại sao...

- Có thể hẳn sẽ nhận nại chịu đựng tình trạng làm bạn trung thành của bà và chồng bà, nếu thiếu tá Ritz không nhảy vào cuộc. Sợ mất bà, hẳn đã chuẩn bị một tội ác hoàn hảo. Hẳn về lỗi đưa đường cho ông Clayton nấp trong rừng, rồi chính hẳn hạ sát ông sẽ trút hết tội lỗi lên đầu Ritz. Loại được cả Ritz lẫn chồng bà, hẳn sẽ là người gần gũi an ủi bà, biết đâu một ngày nào đó, bà sẽ rũ lòng thương.

Thanh tra Mile cất tiếng nói đầy quyền lực:

- Tốt lắm, nhưng đó chỉ là giả thiết, có thể sự thật không hoàn toàn như vậy. Chúng có đâu?

- Tôi tin rằng, chỉ cần anh bảo với Mac Laren rằng, bà Clayton, người đẹp của lòng hẳn đã biết rõ sự thật, hẳn sẽ tuyệt vọng và thú nhận tất cả cho anh xem. Không có tội phạm nào hoàn hảo cả đâu!

Thừa một chứng tích phạm tội

- Nhất là... nhất là, ông đừng cho công bố trên báo chí!

Ông Marcus Hardman đã nhắc đi nhắc lại chắc có lẽ đến hai chục lần lời van xin bằng giọng cao đã khàn tiếng như vậy. Ông vừa tổ chức một cuộc gặp mặt bạn bè theo thói quen. Ông tiêu pha rất nhiều trong số những thu nhập của mình cho việc tiếp bạn và việc sưu tầm những những khăn đăng ten cũ, quạt và những đồ trang sức cổ tằm thường, cũng không phải là hiện đại. Đáp lời yêu cầu khẩn thiết của ông Hardman. Poirot và tôi đã tới gặp và thấy ông đang trong tình trạng bồn chồn quá độ. Ông cho chúng tôi biết là ông quyết định không báo cho cảnh sát, nhưng ông cũng không muốn mất toàn bộ số đồ trang sức của mình. Cuối cùng ông phải cầu cứu tới Poirot.

- Những viên hồng ngọc của tôi, Ông Poirot! Chiếc vòng ngọc bích trước kia chắc chắn là của Catherine de Medicis, công chúa nước Pháp ở thế kỷ thứ IV. Ôi chiếc vòng ngọc bích của tôi!

Poirot cắt đứt những lời than vãn của ông bằng cách hỏi nhẹ nhàng:

- Hãy thuật lại thường hợp mất đồ vật quý giá ấy xem nào, ông Hardman.

- Đây! Đây! chiều hôm qua tôi đã tổ chức một buổi tiệc trà... bình thường, tôi chỉ mời sáu người bạn. Tôi đã tổ chức một hoặc hai bữa tiệc như thế trong mỗi mùa. không phải là kiêu ngạo, nhưng những buổi gặp gỡ ấy rất thành công. Hôm qua tôi đã mời nhà chơi đàn dương cầm Nacora và nữ danh ca người Úc Katherine Bird tới giúp vui. Họ đã cho chúng tôi nghe những bản nhạc tuyệt diệu trong phòng nghe nhạc. Sau đó tôi đã đưa những đồ trang sức thời Trung cổ đựng trong một chiếc két sắt gắn vào tường mà ông thấy ở kia cho các bạn tôi xem. Bên trong chiếc két được lót nhung để đặt những viên đá quý. Sau đó các bạn tôi đến xem những chiếc quạt được bày trong một tủ kính ở phía đối diện chiếc két. Cuối cùng chúng tôi trở lại phòng hòa nhạc. Chỉ đến khi họ ra về thì tôi mới nhận ra vụ mất trộm. Tôi cho rằng tôi đã quên không khóa két sắt, một kẻ nào đó đã lợi dụng việc ấy để lấy những của quý ấy đi. Một bộ đồ trang sức, ông Poirot! Tôi muốn lấy lại những thứ đó! Xin ông hiểu cho, ông Poirot, đây là những khách mời, những bạn bè thân thiết của tôi! Đăng tin trên báo chí có thể ngược lại thành một cụ bẽ bối.

- Ông có để ý ai là người rời khỏi phòng này sau cùng, khi mọi người đã trở lại phòng hòa nhạc không?

- Ông Johnston, nhà triệu phú Nam Mỹ. Có thể là ông biết ông ấy chứ? Ông ấy vừa thuê một ngôi nhà của Abbotbury ở phố Park Lane. Tôi nhớ rằng ông ấy đi ra sau chúng tôi một vài phút. Nhưng ông ấy không thể là tên ăn trộm được, ông biết đấy!

- Có người nào đã quay lại phòng này dưới một lý do gì đó không?

- Tôi đã nghĩ tới điều đó, ông Poirot, có ba người. Bà bá tước Vera Rossakoff, ông Barnard Parker và phu nhân Rucorn.

- Ông biết những gì về họ?

- Nữ bá tước Rossakoff là người Nga và là một phụ nữ xinh đẹp ngay từ dưới chế độ cũ. Bà mới tới sống ở nước Anh. Hôm qua bà đến chào tạm biệt tôi. Tôi ngạc nhiên khi thấy bà sững người trước bộ sưu tập quạt của tôi. Càng nghĩ, tôi càng thấy đó là việc lạ lùng. Quan điểm của ông thế nào, ông Poirot?

- Tôi cũng chưa thấy có chuyện khác thường. Nói sang hai người khác, thưa ông.

- Còn Parker thì đi tìm một chiếc cát-set nhỏ để tôi đưa cho phu nhân Rucorn xem.

- Thưa ông, bà ấy là người như thế nào?

- Phu nhân Rucorn là người có cá tính hào hiệp trong những công việc từ thiện. Bà ấy tới đơn giản chỉ là lấy cái túi xách tay bỏ quên trên ghế.

- Được rồi, thưa ông. Như vậy chúng ta có thể nghi ngờ bốn người: Bà bá tước người Nga, phu nhân người Anh, nhà triệu phú Nam Mỹ và ông Barnard Parker. Nhưng ông Parker là người thế nào?

Câu hỏi hình như làm ông Hardman bối rối, ông ngập ngừng trả lời.

- Đó là một người trẻ tuổi... một người trẻ tuổi mà tôi quen biết.

- Tôi cần hiểu rõ hơn. Người trẻ tuổi ấy làm nghề gì?

- Đó là người cũng như mọi người khác... và nếu tôi có thể dùng một khái niệm, thì đó là một "Con người mây gió".

- Tôi muốn biết anh ta ra nhập nhóm bạn bè ông như thế nào?

- Thế nào? Hừ... đã một hoặc hai lần anh ấy giúp tôi trong một công việc nhỏ.

- Xin ông nói tiếp cho.

Hardman nắm chặt hai bàn tay lại. Đó là cách cuối cùng ông ta muốn làm thỏa mãn tính tò mò của bạn tôi. Nhưng Poirot vẫn yên lặng nên ông buộc phải nói tiếp:

- Ông thừa biết rằng tôi có điều kiện để trở thành nhà sưu tầm những của quý. Đôi khi thấy cần thiết phải bán bớt đi một vật gì đó mà không muốn quá lộ liễu hoặc bị rơi vào tay một kẻ mua đi bán lại, tôi thu xếp việc bán những thứ đó. Parker coi sóc những chi tiết về tài chính, quan hệ với người mua, tránh mọi lo ngại cho cả hai bên. Ví như nữ bá tước có một vài của quý từ nước Nga mang tới và đang muốn bán, bà sẽ nhờ Parker tìm một người mua.

- Theo tôi, thì ông hoàn toàn tin tưởng ở người trẻ tuổi ấy phải không?

- Cho đến bây giờ thì tôi không điều gì phải than phiền về anh ta.

- Thưa ông Hardman, trong bốn người ấy thì ông nghi ngờ ai?

- Ôi! Thưa ông Poirot. Một câu hỏi ác quá. Đây là những bạn thân của tôi, tôi đã nói rồi. Trong số họ tôi không nghi ngờ... hoặc nghi ngờ tất, đó là cách tốt nhất để trả lời ông.

- Xin lỗi. Chắc hẳn ông chỉ nghi ngờ một người trong số họ. Nếu không phải là bà bá tước Rossakoff, không phải là ông Parker thì chắc chắn là phu nhân Rucorn hoặc ông Johnston phải không?

- Ông hiểu cho, ông Poirot. Tôi cố gắng tránh một chuyện bê bối. Phu nhân Rucorn thuộc về một dòng họ lâu đời ở Anh quốc. Nhưng chẳng may bà thường bị tai tiếng vì bà có một người cô, bà Caroline, mắc một bệnh đáng sợ. Mọi người đều biết rõ bà này đi đâu cũng lấy cắp những đồ vật người ta để sơ sển. (Ông Hardman thở dài). Tôi ở trong một hoàn cảnh tế nhị, ông lưu ý giúp cho.

- Như vậy phu nhân Rucorn có một bà cô ăn cắp vặt. Hừ... Thú vị đây... Xin phép ông cho tôi quan sát chiếc kết sắt được chứ?

Ông Hardman gật đầu và Poirot mở cánh cửa sắt để xem xét cái lỗ hổng trống hoác.

- Không hiểu tại sao cái cánh cửa lại khó khép lại thế này? - Anh ta lẩm bẩm tay lắc lắc cánh cửa - A! Cái gì đây? Một chiếc găng tay nằm ở khe. Một chiếc găng tay đàn ông. Anh đưa cho Harman và ông ấy trả lời ngay:

- Không phải của tôi.

- Nay, tôi còn thấy một vật gì nữa đấy. - Anh cho tay vào kết sắt và lôi ra một chiếc hộp đựng thuốc lá.

- Hộp đựng thuốc lá của tôi!

- Tôi cho rằng không phải như vậy, thưa ông, vì chữ khắc trên hộp không phải là tên ông. - Anh chỉ vào hai chữ lồng vào nhau trên hộp.

- Ông có lý. Chiếc hộp thì rất giống, nhưng chữ khắc thì khác. Xem nào "P" và "B"... Trời ơi... Parker!

- Vâng, đúng như vậy. Người trẻ tuổi đó thật là bất cẩn. Nếu chiếc găng tay cũng là của ông ta, thì ông ấy đã cho chúng ta hai chứng tích.

- Barnard Parker! - Hardman thở dài - Tôi thú nhận rằng việc tìm kiếm này làm tôi yên lòng. Thưa ông Poirot, tôi để tự ông tìm giúp số của cái ấy cho tôi. Nếu thấy cần thiết thì ông có thể nhờ đến cảnh sát... với điều kiện ông tin chắc rằng Parker là thủ phạm.

- Anh bạn, anh đã thấy - Poirot nói với tôi khi chúng tôi rời khỏi nhà người sưu tập của quý - có một luật pháp đối với tầng lớp quý phái và một luật pháp đối với những người bình thường. Tôi chưa được phong tước nhưng tôi thích con người bình thường và thấy khó hiểu về tay Parker. Toàn bộ việc này thật là lạ lùng, anh có thấy vậy không? Hardman nghi ngờ phu nhân Rucorn, tôi chỉ nghĩ về bà bá tước và Johnston, thế mà anh chàng bí ẩn Parker lại là thủ phạm.

- Tại sao anh lại nghi ngờ hai người ấy?

- Trời ơi! Muốn có danh hiệu nữ bá tước Nga và triệu phú Nam Mỹ thì đó là điều rất dễ dàng. Ai là người nói dối? Thôi bây giờ chúng ta đã tới phố Bury

nơi ở của người bạn lơ đãng của chúng ta. Chúng ta phải rèn sắt khi nó còn đang nóng chứ?

Một người hầu cho chúng tôi biết rằng ông Barnard Parker đang ở nhà. Chúng tôi thấy anh ta nằm dài trên đồng gối đệm, đắp người bằng một chiếc áo mặc trong nhà màu đỏ tươi và màu da cam. Lập tức tôi có ác cảm mạnh mẽ với người trẻ tuổi mặt xanh xao, nhu nhược vừa nói ngọng, vừa làm điệu này. Poirot không chờ đợi, đi ngay vào cuộc chiến đấu.

- Chào ông. Tôi vừa ở nhà ông Hardman về đây. Hôm qua có một kẻ nào đó đã ăn trộm hết đồ trang sức quý giá của ông ấy vào buổi chiều. Thưa ông, xin phép ông cho hỏi, thưa ông... có phải đây là chiếc găng tay của ông không?

Ông Parker tỏ ra chậm hiểu. Anh ta nhìn chăm chăm vào chiếc găng tay như là để tập trung trí nhớ.

- Ông thấy nó ở đâu?

- Có phải nó là của ông không, thưa ông?

- Không, không phải của tôi.

- Và chiếc hộp thuốc lá này nữa?

- Cũng chắc chắn là không phải. Chiếc hộp của tôi bằng bạc kia.

- Rất tốt, thưa ông. Tôi đã không định báo việc này cho cảnh sát.

- Ở địa vị ông thì tôi không làm gì cả - Parker nói - Những con người ấy thật là lạ lùng. Tôi đi gặp ông Hardman đây, này, thưa ông... ông đợi cho một lát.

Nhưng Poirot đã rút nhanh. Trên hè phố, anh cười lớn với tôi.

- Chúng ta đã làm cho anh chàng phải trù tính công việc. Ngày mai chúng ta sẽ xem họ nói với chúng ta thế nào.

Buổi tối chúng tôi lại khám phá ra một việc mới trong vụ mất trộm ở nhà ông Hardman, một bóng người sệt soạt, đầu đội một chiếc mũ lớn, đứng trước cửa nhà chúng tôi làm cho một làn gió lạnh ùa vào (trời lạnh như tiết tháng sáu của nước Anh). Chúng tôi nhanh chóng biết rằng đây là nữ bá tước Rossakoff có một nhân cách hơi lộn xộn.

- Ông là Hercule Poirot phải không? - Bà ta nói thành Poirrot - Thật xấu hổ! Ông đã làm gì vậy? Tổ cáo một chàng trai khốn khổ. Thật là xấu xa, thật là bê bối! Barnard là một thiên thần, một con cừu... Anh ấy không hề ăn trộm. Anh ấy đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Và tôi cần ở lại đây để nhìn thấy anh ấy bị hành hạ, tàn sát như là hoàng tử Zatkhoune dưới những con dao găm của bọn sát nhân.

- Thưa bà, có phải đây là hộp thuốc lá của anh ta không?

Poirot đưa cho bà vật tìm thấy trong két sắt bị mất trộm. Bà ta yên lặng ngắm nhìn nó rồi nói:

- Phải, đúng là của anh ấy. Tôi biết. Ông đã thấy nó ở nhà ông Hardman ư? Chúng tôi ai cũng thấy nó. Tôi cho rằng anh ấy đánh rơi nó. A! Các ông là cảnh sát, các ông cũng tồi tệ như bọn cảnh sát Nga!

- Đây có phải là găng tay của ông ta không, thưa bà?

- Tại sao ông muốn biết nó là của ai? Một chiếc găng tay thì giống mọi chiếc găng tay khác. Nay các ông đừng cản đường tôi... Tôi muốn rằng anh ấy vô can! Vì tiếng tăm của anh ấy tôi có thể sẽ bán tất cả những đồ trang sức của tôi và đưa cho ông rất nhiều tiền...

- Thưa bà...

- Đã quyết định! Tôi đã nói! Không, không, xin đừng vật nài tôi nữa! Chàng trai khốn khổ! Anh ấy đã đến gặp tôi... Hãy cứ để Vera giải quyết công việc này. Bây giờ, tôi xin hứa với ông lời hứa của người quý phái.

Bà ta biến mất như lúc bà ta đến, để lại một mùi nước hoa thơm nức theo sau.

- Người đàn bà kỳ lạ! - Tôi kêu lên - Anh có chú ý tấm da lông thú quàng cổ của bà ta không?

- Phải, nó là loại thật. Một nữ bá tước giả hiệu liệu có quàng lông thú loại thật không? Một lời giải nhỏ, Hastings. Tôi cho rằng đúng bà ta là người Nga. Như vậy thì Barnard đã tới để khóc thút thít với bà ấy. Hộp thuốc lá đúng là của anh ra. Tôi còn đang tự hỏi có phải chiếc găng tay...

Poirot cười và lấy ra trong túi một chiếc găng tay thứ hai rồi đặt bên cạnh chiếc găng tay kia. Chúng thành một đôi.

- Anh đã tìm thấy chiếc thứ hai ở đâu vậy, Poirot?

- Nó bị để quên trên chiếc giá gỗ bên cạnh chiếc can trong ngôi nhà ở phố Bury. Đúng là Parker là một con người cẩn thận. Anh bạn... Chúng ta sắp sửa kết thúc vụ này. Về hình thức, tôi cần tới thăm một ngôi nhà khác trên phố Park Lane.

Không cần phải hỏi thêm gì, tôi đi theo bạn tôi. Johnston đi vắng nhưng người thư ký riêng của ông ta đã tiếp chúng tôi và cho chúng tôi biết rõ là ông ta vừa ở Nam Mỹ tới và đây là lần đầu tiên ông tới Anh quốc.

- Ông ấy thích tìm kiếm đá quý phải không, tôi cho là như vậy - Poirot hơi lấp lửng.

Người thư ký cười vang và trả lời:

- Nói đúng ra là những mỏ vàng!

Kết thúc câu chuyện, Poirot ra về với vẻ nghĩ ngợi. Đến tận khuya tôi còn thấy anh chăm chú đọc cuốn ngữ pháp tiếng Nga.

- Trời ơi, Poirot! Anh định học tiếng Nga để trực tiếp nói chuyện với bà bá tước ấy ư?

- Tôi cần nói rằng bà ta đã không chú ý lắm đến tiếng Anh của tôi.

- Nhưng những người Nga trong các gia đình quyền quý đều nói tiếng Pháp kia mà!

- Hastings anh là nguồn thông tin không bao giờ cạn. Thôi tôi cũng chẳng cần đi vào những chuyện phức tạp của bảng chữ cái của tiếng Nga nữa.

Anh ném cuốn sách đi với vẻ rất kịch. Tôi không tin câu nói ấy của anh vì tôi đã trông thấy mắt anh sáng lên. Đó là một dấu hiệu không thể chối cãi: Hercule Poirot hài lòng về việc làm của mình.

- Có phải anh nghi ngờ rằng bà ta không phải là người Nga không?

- Tôi hỏi bằng một giọng tin chắc - Anh sẽ thử thách bà ta chẳng?

- Không, không, tôi không nghi ngờ gì về quốc tịch của bà ấy.

- Nhưng...

- Nếu anh muốn đi sâu vào việc này thì tôi khuyên anh nên đọc cuốn "Ngữ pháp tiếng Nga", một cuốn sách có giá trị lớn.

Anh cười và từ chối không nói rõ hơn ý định của mình. Anh nhặt cuốn sách, lật từng trang và hình như không có ý định trả lời câu hỏi của tôi.

* * * * *

Sáng hôm sau chúng tôi vẫn không có tin tức gì thêm. Cái đó không làm cho bạn tôi phật lòng và sau bữa ăn sáng anh nói ý định của mình là tới thăm ông Hardman.

Chúng tôi ngồi ở gian phòng bên thường để tiếp khách. Gian phòng hình như yên tĩnh hơn là lúc chúng tôi rời khỏi đây hôm qua.

- Ông Poirot, ông đã tìm ra một dấu vết rồi chứ?

Nhà thám tử nhỏ người đưa cho ông một mẫu giấy.

- Đây là tên người đã lấy trộm những đồ trang sức của ông. Liệu tôi có nên giao việc này cho cảnh sát không? Hoặc ông muốn tôi lấy lại sổ của cái mà không cần báo cho các nhà chức trách.

Hardman nhìn tờ giấy với vẻ hốt hoảng. Khi trấn tĩnh lại, ông ta nói một cách kiên quyết:

- Tôi muốn tránh một vụ ầm ĩ. Tôi cho ông quyền tự do, ông Poirot. Tôi không nghi ngờ gì tính thận trọng của ông.

Khi ra khỏi nhà, Poirot gọi một chiếc tắc xi và yêu cầu người lái xe chở chúng tôi đến phố Carlton. Tới nơi, anh hỏi thăm phòng nữ bá tước Rossakoff. Một lát sau một nhân viên phục vụ dẫn chúng tôi đến nơi ở của bà. Ăn vận mộc mạc, không trang điểm, người phụ nữ Nga tiến lại phía chúng tôi giơ tay ra.

- Ông Hercule! Ông thành công chứ? Ông đã gỡ cho chàng trai khốn khổ ấy những nghi ngờ đê hèn rồi chứ?

- Thưa bá tước phu nhân, ông bạn Parker của bà không có lý do gì mà sợ cảnh sát.

- Ông thật là một người tốt bụng kỳ diệu!

- Nhưng mặt khác, thưa bà bá tước, tôi đã hứa với ông Hardman là những đồ trang sức của ông phải được hoàn lại ông trong ngày hôm nay.

- Rồi sao nữa?

- Rồi, thưa bà, tôi phải yêu cầu bà, nếu thấy cần, bà giao chúng lại cho tôi ngay lập tức. Rất tiếc là phải thúc giục bà nhưng xe tắc xi đang chờ chúng tôi... trong trường hợp chúng tôi phải đến Sở Cảnh sát. Chúng tôi là những người Bỉ có bản chất tiết kiệm, tôi không muốn đồng hồ đo thời gian thuê xe chạy quá lâu.

Bà bá tước châm một điếu thuốc. Đột nhiên, bà ta cười vang, đứng lên, đi về phía bàn giấy, lấy ra một chiếc túi lụa màu đen. Bà ta ném nó cho Poirot. Bằng một giọng đùa cợt và hoàn toàn yên tâm, bà ta tuyên bố:

- Chúng tôi là những người Nga, ngược lại, chúng tôi rất hoang phí. Nhưng than ôi, cái đồ đòi hỏi phải rất giàu. Không cần phải kiểm lại nữa, tất cả của cải còn ở nguyên trong đó.

Poirot đứng lên:

- Chúng tôi khen ngợi trí thông minh và tính nhạy bén của bà, thưa bà!

- Tôi không có sự lựa chọn nào khác, nhưng xe tắc xi đang đợi các ông.

- Bà thật đáng mến. Bà có ý định ở lại Londres lâu dài chứ?

- Than ôi, không... tại ông cả... con người đáng sợ.

- Xin bà nhận những lời xin lỗi của tôi.

- Có thể một ngày nào đó chúng ta lại gặp nhau.

- Tôi hy vọng điều đó.

- Còn tôi thì không! - Bà ta cười và kêu lên - Tôi xin tỏ lòng khâm phục ông, thưa ông Poirot, vì trên đời này có rất ít người khiến tôi phải hoảng sợ mỗi khi gặp gỡ. Xin tạm biệt, ông Poirot.

- Tạm biệt, bá tước phu nhân. A! Xin lỗi, tôi quên mất! Xin phép cho tôi gửi lại bà chiếc hộp thuốc lá. Anh cúi đầu đưa cho bà ta chiếc hộp thuốc lá. Bà ta không ngần ngại lâu; cầm lấy chiếc hộp, hơi nhú mày và khẽ lẩm bẩm: "Không có gì!"

* * * * *

- Một người đàn bà ghê gớm! - Poirot kêu lên khi chúng tôi rời khỏi ngôi nhà - Trời đất! Một người đàn bà ghê gớm. Không có một lời chối cãi nào. Trong chớp mắt bà ta đã thấy rõ tính chất nghiêm trọng của tình thế, dễ dàng chấp nhận thất bại. Nói cho anh biết, một người như thế thì còn tiến xa hơn nữa! Bà ta rất nguy hiểm, bà ấy có dây thần kinh bằng thép, bà... - Anh vấp phải một bậc thang và ngừng nói.

- Thôi hãy ngừng những lời khen ngợi, Poirot. Anh nghi ngờ mục đích ấy từ lúc nào?

- Anh bạn, chiếc găng tay và hộp đựng thuốc lá là hai chứng tích, chúng ta đã nói như vậy, làm tôi suy nghĩ nhiều, Barnard Parker rất dễ dàng để quên thứ này, hay thứ khác, nhưng nếu quên cả hai thì phải là một người rất đáng trí. Mặt khác, nếu một kẻ nào đó đặt chúng vào đây để buộc tội chàng trai thì một thứ thôi cũng đã đủ. Hộp đựng thuốc lá hoặc chiếc găng tay chứ không cần đến cả hai. Tôi đi đến một kết luận một trong hai thứ đó không phải là của Parker. Trước tiên tôi nghĩ đó là chiếc găng tay nhưng chỉ khi tìm thấy một chiếc nữa thì tôi mới yên tâm. Thế nhưng ai là chủ của hộp thuốc lá? Không phải là phu nhân Rucorn, những chữ viết tắt ấy không phải là tên bà ta. Của ông Johnston ư? Chắc chắn ông ta tới Anh quốc dưới một cái tên mượn. Khi hỏi chuyện người thư kí của ông ta thì tôi biết ngay ông không liên quan gì tới vụ này. Người thư kí ấy không tìm cách che giấu quá khứ của ông chủ mình. Bà bá tước ư? Có lẽ bà ta sẽ mang những đồ trang sức ấy về Nga để bán. Một khi những viên đá quý được lấy ra khỏi cái khung của nó thì rất khó chứng minh chúng ở chiếc kết sắt của ông Hardman mà ra. Rất dễ dàng đánh cắp chiếc găng tay của Parker và ném nó vào kết sắt sau khi lấy hết của cải trong đó. Nhưng chắc chắn rằng bà ta không có ý định để lại chiếc hộp thuốc lá của mình trong chiếc kết ấy.

- Nếu hộp thuốc lá đúng là của bà ta thì tại sao nó lại khắc hai chữ "B.P"? Hai chữ đầu tiên của bà ta là "V.R" kia mà.

Poirot nhếch mép cười với tôi.

- Anh bạn, đúng là như vậy, nhưng trong bảng chữ cái tiếng Nga thì B là V và P là R.

- Anh không thể hy vọng tôi đoán ra! Vì tôi không biết tiếng Nga!

- Tôi cũng vậy, Hastings. Chính vì vậy mà tôi từng đọc cuốn "Ngữ pháp tiếng Nga"... Và tôi đã yêu cầu anh đọc thử nó. - Anh thở dài.

- Bà bá tước ấy là một người đáng chú ý. Anh bạn, tôi có cảm giác, cũng có thể nói là tin chắc nữa, rằng tôi sẽ gặp lại bà ta. Ở đâu? Tôi chưa nghĩ ra...

Anh nhún vai: "Không có gì!"

Vụ mất cắp một triệu đôla bằng trái phiếu

- Số lượng những vụ đánh cắp trái phiếu hồi này xảy ra nhiều quá - Tôi nói và đẩy tờ báo ra - Poirot, chúng ta hãy bỏ việc nghiên cứu để khám phá những vụ loại này. Anh đã đọc những tin tức cuối cùng chưa? Những tờ trái phiếu "Liberty" giá trị tới một triệu đôla mà Ngân hàng Londres - Ecosse gửi tới New York đã bị mất một cách không ngờ trên tàu Olympia.

- Nếu không bị say sóng và không bị ám ảnh bởi cái cách đi lại của tàu Laverguier khi vượt Đại Tây Dương thì tôi sẽ rất vui lòng lên một trong những con tàu lớn - Poirot nói với vẻ mơ màng.

- Anh yên tâm - Tôi nhiệt thành trả lời - Một vài con tàu có đầy đủ tiện nghi và những bể bơi, phòng khách, khách sạn,... Nhưng... cũng rất đúng lúc là người ta rất khó quen thuộc với biển cả.

- Còn tôi, bao giờ thôi cũng biết tôi sẽ ra sao khi đi trên biển - Poirot nói giọng buồn rầu - Tất cả những thứ anh vừa kể, với tôi thì chúng chẳng có nghĩa lý gì cả. Nhưng, anh bạn, nếu có lúc nào đó những nhân tài vi hành đi trên những con tàu anh vừa kể thì rất có thể họ gặp được nhà quán quân trong thế giới tội phạm.

Tôi cười:

- Đó là lý do của những lợi ích trong những chuyến đi biển của anh ư? Anh muốn đo kiểm với những kẻ đã chiếm đoạt những trái phiếu Liberty ư?

Bà phục vụ của chúng tôi bước vào làm câu chuyện ngừng lại.

- Có một cô gái muốn gặp ông, thưa ông Poirot. Đây là danh thiếp của cô ấy.

Tầm thiếp ghi: Cô Esmée Farquhar.

Sau khi cúi xuống nhặt một vụn bánh mì dưới bàn và cho nó vào giỏ giấy bỏ đi, Poirot ra hiệu cho người hầu mời khách vào. Một phút sau, một trong số những cô gái kiều diễm mà tôi đã được nhìn qua bước vào. Khoảng hai mươi năm tuổi, mắt to, màu xanh và vóc người thật hoàn hảo, cô ta ăn vận rất sang trọng và có những cử chỉ thật dễ chịu.

- Thưa cô, mời cô ngồi. Xin giới thiệu với cô đây là đại úy Hastings, người đã giúp tôi trong những việc nhỏ.

- Thưa ông Poirot, tôi sợ rằng đây là một việc lớn mà tôi mang tới ông - Cô gái trả lời và nghiêng đầu về phía tôi trước khi ngồi xuống ghế. Chắc chắn rằng ông đã đọc báo. Tôi nói về vụ đánh cắp những trái phiếu Liberty trên tàu Olympia.

Poirot tỏ vẻ ngạc nhiên khi cô đi ngay vào câu chuyện:

- Chắc hẳn ông muốn hỏi tôi có quan hệ gì với Ngân hàng Londres - Ecosse? Theo một nghĩa nào đó thì không nhưng với một nghĩa khác thì lại có. Thưa ông Poirot, tôi là vợ chưa cưới của Philippe Ridgeway.

- A! Còn ông Philippe Ridgeway...

- ... Là người chịu trách nhiệm canh giữ những trái phiếu ấy, lúc chúng bị đánh cắp. Tất nhiên, anh ấy không có một lỗi nào để có thể bị truy tố và dù sao chẳng nữa anh ấy cũng không liên quan gì đến vụ mất trộm này. Tuy nhiên vụ này đã làm anh ấy mất bình tĩnh và tôi biết là ông bác của anh đã biết anh là người áp tải số trái phiếu. Đây là một cú đánh ghê gớm vào nghề nghiệp của Philippe.

- Người bác của anh ta là ai?

- Là ông Vavasour, đồng tổng giám đốc Ngân hàng Londres - Ecosse.

- Cô Farquhar, cô hãy kể cho chúng tôi nghe câu chuyện đã xảy ra như thế nào.

- Vâng. Như các ông đã biết. Ngân hàng muốn mở rộng công cuộc kinh doanh sang châu Mỹ nên đã quyết định gửi một triệu đôla bằng trái phiếu Liberty tới đó. Ông Vavasour đã chọn người áp tải số hàng này là người cháu của mình. Anh là người đáng tin cậy qua nhiều năm làm việc ở đây và là người biết rõ những công việc về quan hệ giữa Ngân hàng với New York. Tàu Olympia nhổ neo ở Liverpool ngày 23 và những trái phiếu được ông Vavasour và ông Shaw là hai đồng tổng giám đốc của Ngân hàng giao tận tay Philippe ngay sáng hôm ấy. Trái phiếu được đếm, đóng gói và buộc chặt trước mặt anh và Philippe đã khóa chiếc két sắt.

- Chiếc két được khóa bằng một chiếc khóa thông thường ư?

- Không, ông Shaw đã bắt buộc phải dùng khóa của hãng Hubb. Như tôi đã nói chính tay Philippe Ridgeway đã đặt gói hàng vào trong két và hàng đã bị mất vài tiếng đồng hồ trước khi tới cảng New York. Một sự lục soát gắt gao trên tàu đã không mang lại kết quả gì. Những tờ trái phiếu hình như đã biến thành hơi bay vào không khí.

Poirot nhăn mặt.

- Nhưng chúng không mất, vì như tôi biết, chúng đã được bán từng ít một nửa tiếng đồng hồ sau khi tàu cập bến. Thế đấy. Tôi thì không nghi ngờ gì anh Ridgeway. Tôi gợi ý là mời các ông tới dùng bữa ở cửa hàng Chestire Cheese! Philippe đợi tôi ở đấy, nhưng anh chưa biết là tôi đã nhân danh anh để mời các ông.

Chúng tôi nhận lời và thuê một chiếc tắc xi để tới chỗ hẹn. Philippe Ridgeway đã có mặt ở đấy và rất ngạc nhiên thấy vợ chưa cưới của mình đi tới cùng hai người lạ mặt. Cao, hơi gầy, vẻ lịch sự, Ridgeway có những sợi tóc đốm bạc ở hai thái dương tuy anh chưa đến ba mươi tuổi. Cô Farquhar đi tới và đặt tay lên vai anh.

- Tha lỗi vì em đã làm mà không hỏi ý kiến anh, Philippe. Xin phép giới thiệu đây là ông Poirot mà chắc chắn rằng anh đã biết tiếng và đại úy Hastings, bạn ông.

Ridgeway chào chúng tôi mà không che giấu vẻ ngỡ ngàng.

- Chắc chắn là như vậy, tôi đã nghe nói về ông, ông Poirot. Nhưng tôi không nghĩ đến việc Esmée đã tới hỏi ông nhân danh... câu chuyện của chúng tôi.

- Em sợ rằng anh không để em làm như vậy, anh Philippe - Cô Farquhar dịu dàng giải thích. Anh ta cười:

- Tôi hy vọng ông Poirot có thể làm sáng tỏ câu đố lạ lùng này vì tôi thành thật thú nhận là tôi đã gần phát điên lên vì lo lắng.

Đúng là vẻ mặt đang nhăn nhó nói lên những lo ngại đã day dứt anh.

- Được - Poirot nói - Chúng ta hãy ngồi vào bàn, vừa ăn vừa nói chuyện xem chúng ta có thể làm được những gì. Tôi muốn anh Ridgeway tự kể lại chuyện này.

Trong khi chúng tôi thưởng thức món thịt bò rán và món bầu dục xào của nhà hàng thì Phillipe Ridgeway nói về những hoàn cảnh xung quanh vụ những trái phiếu bị mất cắp. Câu chuyện của anh cũng giống như chuyện kể của cô Farquhar. Khi anh nói xong, Poirot đặt câu hỏi đầu tiên:

- Ridgeway, ai là người đầu tiên thấy gói trái phiếu đã bị mất?

Người được hỏi trả lời bằng giọng cay đắng:

- Điều đó làm tôi lo lắng... ông Poirot. Tôi không thể đề phòng được. Chiếc két đã bị kéo ra một phần khỏi gầm giường tôi nằm. Tôi đã đặt chiếc két vào đấy và ổ khóa có những dấu vết bị phá.

- Nhưng tôi nghe nói ổ khóa đã được mở bằng chìa cơ mà?

- Đúng thế. Đầu tiên là chúng định phá khóa nhưng không kết quả. Sau đó chúng phải dùng cách khác.

- Thật là lạ lùng - Poirot lẩm bẩm, mắt ánh lên một tia sáng mà tôi rất quen thuộc, rất lạ lùng - Bọn kẻ trộm đã để mất một thời gian đáng kể để phá một ổ khóa và cuối cùng... đồ chết giẫm! Chúng biết là chúng có chìa khóa trong túi lúc ấy... vì chìa khóa của hãng Hubb chỉ có độc một chiếc thôi.

- Chính vì vậy mà chúng không thể có một chiếc nữa được. Chìa khóa luôn ở trong người tôi ngày cũng như đêm.

- Anh tin chắc như thế chứ?

- Chắc chắn. Hơn thế nữa, nếu chúng có chiếc chìa khóa tôi luôn giữ, hoặc chiếc thứ hai, thì tại sao chúng lại để mất thời gian quý báu để phá ổ khóa khi biết rõ là không thể nào phá nổi?

- Đúng đây là câu hỏi chúng ta cần đặt ra. Nếu chúng ta không tìm ra lời giải thì chúng ta mãi mãi quanh quẩn bên cạnh sự việc lạ lùng và ngược đời này. Tôi yêu cầu anh trả lời câu hỏi cuối cùng này: Anh có tuyệt đối tin chắc là không lúc nào anh để chiếc két không khóa không?

Philippe Ridgeway trợn mắt nhìn Poirot và sau đó anh đã có một cử chỉ xin lỗi.

- Chuyện đó cũng có thể xảy ra, tôi đảm bảo với anh như vậy. Được, những trái phiếu đó đã bị mất cắp. Bọn ăn cắp sẽ làm gì? Làm như thế nào mà chúng có thể mang số hàng đó lên bờ được?

- Làm thế nào ư? Tôi không hiểu. Cơ quan hải quan đã được báo tin và họ đã khám xét kỹ từng hành khách khi tới New York.

- Và những trái phiếu được đóng gói thành một khối lượng lớn chứ, tôi hình dung như vậy?

- Đúng. Chúng không thể giấu cái gói ấy trên tàu được... Và dù sao thì cũng không thể có chuyện này, vì chúng xuất hiện trên thị trường nửa tiếng đồng hồ sau khi tàu Olympia cập bến, sau khi tôi đánh điện tín thông báo con số những tờ tín phiếu đó. Một nhà buôn còn khẳng định là ông ta đã mua tín phiếu ấy khi tàu chưa tới bến nữa. Chắc chắn rằng người ta không thể gửi tín phiếu trên đường điện tín được.

- Đúng là không được, nhưng có thể có một chiếc thuyền con nào bám theo tàu của anh không?

- Chỉ có thể là thuyền của các nhà chức trách sau khi lệnh báo động được loan ra và người ta đã tìm kiếm ở mọi nơi... Tự tôi, tôi cũng kiểm soát các con thuyền ấy xem có ai đưa bọc hàng từ tàu xuống thuyền không. Trời! Ông Poirot. Việc này làm tôi phát điên lên! Người ta đã bắt đầu thì thào rằng chính tôi là tác giả của vụ cướp này.

- Nhưng người ta cũng lục soát anh, cả anh nữa, khi rời tàu chứ?

- Vâng. - Chàng trai nhìn Poirot với vẻ ngỡ ngàng.

- Tôi thấy anh không hiểu ý tôi - Poirot mỉm cười một cách bí ẩn - Bây giờ tôi muốn có những ý kiến của Ngân hàng.

Ridgeway lấy ra một tấm danh thiếp và viết lên đó một ít chữ.

- Ông đưa cho người bác tôi cái này và sẽ được tiếp chuyện ngay.

Poirot cảm ơn anh và chào Farquhar và chúng tôi đi tới phố Treadneedie, nơi có trụ sở chính của Ngân hàng Londres - Ecosse. Theo tờ danh thiếp của Ridgeway chúng tôi được dẫn qua một lối hành lang phức tạp có những bàn giấy nơi các nhân viên bận rộn nhận và trả tiền. Hai ông đồng Tổng giám đốc tiếp chúng tôi trong một phòng giấy nhỏ trên lầu một.

Hai ông già nghiêm trang đã làm việc nhiều năm trong ngành Ngân hàng. Ông Vavasour có bộ râu trắng bạc. Ông Shaw mặt mày nhẵn nhụi.

- Theo tôi hiểu thì ông là nhân viên đi tìm kiếm những của cải bị mất trộm, đúng không?- Ông Vavasour hỏi - Đồng ý, đồng ý. Chúng tôi đã được Scotland Yard giúp đỡ. Thanh tra Mac Neil đảm trách việc này. Một cảnh sát rất khôn khéo, tôi cho là như vậy.

- Tôi tin chắc là như thế - Poirot lễ phép trả lời - Nhân danh người cháu của ông, xin ông cho phép được hỏi một vài điều được không? Có đúng là chiếc két sắt đó các ông đã đặt mua ở hàng Hubb phải không?

- Tự tôi đi mua nó - Ông Shaw nói ngay - Tôi không giao việc này cho ai cả. Còn về chìa khóa thì ngoài chiếc anh Ridgeway cầm, còn hai chiếc tôi và ông đồng sự của tôi mỗi người giữ một chiếc. Tôi có thể khẳng định với ông là những tờ trái phiếu vẫn nằm trong két cho đến ngày hai mươi ba. Bọn tôi đã

bị ốm trước đó mười lăm ngày... Cho đến ngày Philippe lên đường ông mới bình phục.

- Bệnh sưng phổi không phải là một trò đùa với một người ở tuổi tôi - Ông Shaw tiếp lời - Nhưng tôi lo ngại là ông bạn tôi khổ tâm không do làm việc quá sức khi tôi vắng mặt mà do cái sự cố không lường trước được này.

Poirot đặt ra một vài câu hỏi phụ. Tôi cho rằng anh đang thăm dò về tình cảm giữa người bác và người cháu. Những câu trả lời của ông Vavasour đều ngắn gọn và chính xác. Cháu ông là một nhân viên đáng tin cậy, theo ông thì anh không hề nỡ nản, không hề túng túng. Từ trước tới nay người ta vẫn giao cho anh những công việc tương tự. Cuối cùng thì chúng tôi xin phép tạm biệt hai ông.

- Tôi rất thất vọng - Poirot nhận xét trong khi chúng tôi ra ngoài phố.

- Anh không còn hi vọng điều tra vụ này nữa à? Đó là những ông già thô lỗ.

- Không phải là thái độ thô lỗ của họ mà tôi thất vọng. Tôi không chờ gặp một ông chủ Ngân hàng, một nhà tài phiệt với cặp mắt sắc sảo như trong tiểu thuyết của các anh. Tôi thất vọng vì chính bản thân việc này... nó quá dễ dàng!

- Dễ dàng ư?

- Phải, anh không thấy sự việc đơn giản gần như chuyện trẻ con à?

- Anh đã biết ai là kẻ ăn cắp những trái phiếu ấy rồi chứ?

- Tôi biết.

- Nhưng... chúng ta phải... Tại sao...

- Anh đừng quá bối rối và xúc động, Hastings. Lúc này thì chúng ta không thể làm gì được.

- Tại sao? Còn chờ gì nữa?

- Con tàu Olympia. Nó sẽ từ New York trở về vào thứ ba tới.

- Nếu anh đã biết kẻ ăn cắp trái phiếu thì tại sao anh còn trù trừ như vậy? Hẳn có thể trốn thoát.

- Trốn tới một hòn đảo phía Nam để khỏi bị trao trả lại ư? Không, anh bạn, hẳn sẽ thấy cuộc sống ở đấy không dễ chịu chút nào. Còn về lý do khiến tôi phải chờ đợi...

Này, đối với trí thông minh của Hercule Poirot thì câu chuyện đã quá rõ ràng, nhưng đối với những người không được Thượng đế phú cho tài trí ấy như Mac Neil chẳng hạn, hẳn sẽ theo đuổi đến cùng việc điều tra cho đến khi các bằng chứng tìm được phù hợp với sự việc. Cần phải khoan dung cho những người ít tài năng hơn mình.

- Trời ơi! Anh Poirot? Anh có biết là tôi có thể sẵn sàng bỏ ra một số tiền lớn để một lần xem anh giở trò ngu ngốc. Anh hợm hĩnh quá mức!

- Đừng bực bội, Hastings. Đúng ra, tôi nhận thấy lúc đó anh ghét bỏ tôi! Than ôi, tôi đau đớn vì chính sự vĩ đại của mình!

Con người thấp lùn ấy cúi người thở dài một cách khô hời khiến tôi không thể nhin cười được. Ngày thứ ba đến, chúng tôi ngồi trên toa tàu hạng nhất đi Liverpool. Poirot khẳng khăng không làm cho tôi sáng tỏ điều gì... Anh tỏ ra ngạc nhiên khi thấy tôi không nắm được những tình huống. Tôi không muốn thảo luận với anh và cố giấu sự tò mò của tôi sau một bức tường đã tính toán trước. Tới bến cảng, đứng trước con tàu xuyên Đại tây Dương. Poirot tỏ ra rất tinh nhanh. Anh liên tiếp hỏi chuyện bốn người phục vụ trên tàu về một người bạn đã ở trên tàu này để tới New York vào ngày hai mươi ba:

- Một ông sang trọng, đúng tuổi, mang kính che một con mắt bị hỏng, ít khi rời khỏi chỗ nằm trên tàu. Việc mô tả của anh phù hợp với một hành khách tên là Vantnor trên cabin C24, bên cạnh cabin của Philippe Ridgeway. Tôi rất thích thú tuy không hiểu tại sao Poirot lại biết được sự có mặt của ông Vantnor ấy trên con tàu này.

- Xin cho biết - Tôi ngắt lời - Ông khách lịch sự ấy có phải là người đầu tiên rời khỏi tàu khi tàu cập cảng New York không?

- Thưa ông, không, trái lại ông ấy là một trong những người cuối cùng rời khỏi tàu. Tôi rút lui, bối rối nhìn Poirot đang nhăn mặt cười với tôi. Anh cảm ơn người phục vụ, và nhét vào tay người ấy một tờ giấy bạc và chúng tôi ra về.

- Tất cả những cái đó rất hay - Tôi cúi kính nhận xét - Anh có thể cầu nhàu bao nhiêu thì tùy anh, nhưng câu trả lời cuối cùng ấy đã phá hỏng toàn bộ lý thuyết quý báu của anh, đúng không?

- Bao giờ cũng vậy, anh chẳng nhìn thấy gì cả. Câu trả lời cuối cùng ấy, ngược lại đã khẳng định lý thuyết của tôi là đúng. Tôi giơ tay lên trời như là một dấu hiệu thất vọng.

- Thôi cho qua!

* * * * *

Trên chuyến xe lửa trả chúng tôi về Londres, Poirot tập trung chú ý đến viết một bức thư rồi cho thư vào phong bì.

- Thư này gửi cho thanh tra Mac Neil! Chúng ta sẽ chuyển nó khi đi qua Scotland Yard, sau đó chúng ta đi thẳng tới khách sạn Cheshire Cheese. Tôi đã mời cô Farquhar cùng ăn với chúng ta.

- Còn Ridgeway thì sao?

- Thế nào? - Poirot hỏi với cái nhìn tinh quái.

- Đúng là như thế... Anh không nghĩ tới... Anh không thể...

Sự tập trung tư tưởng của anh đã trở thành một thói quen. Tôi nghĩ đến Ridgeway là kẻ đánh cắp, chuyện này cũng có thể xảy ra, thì việc này sẽ rất tế nhị... Một việc làm tốt đẹp.

- Nhưng cũng rất "tế nhị" đối với cô Farquhar nữa chứ?

- Anh có lý. Như vậy tất cả cho cái tốt nhất. Bây giờ, Hastings ta trở lại câu chuyện. Tôi cảm thấy anh rất sốt ruột. Gói hàng đóng gói đã được lôi ra khỏi kết sắt và "bốc hơi", theo cách nói của cô Farquhar. Chúng ta hãy bỏ qua lý thuyết về sự bốc hơi mà khoa học thời nay đã lên án để xem xét thực tế nó như thế nào. Mọi người không thừa nhận đây là một vụ gian lận...

- Nhưng chúng ta biết rằng...

- Anh thì có thể chứ không phải tôi, Hastings. Tôi cho rằng vì là cái thuốc kia đã không thể thì ngày nay vẫn không thể xảy ra. Có thể có hai cách có thể tính đến: hoặc là người ta giấu nó trên tàu (như thế tôi thấy là rất khó khăn), hoặc là người ta ném nó xuống biển.

- Với một chiếc phao, anh muốn nói như vậy chứ?

- Không có phao. Tôi hoảng hốt nhìn anh.

- Nhưng nếu những trái phiếu ấy ở trên tàu thì chúng không thể được mang bán ở New York được!

- Tôi khâm phục trí xét đoán logic của anh, Hastings. Những trái phiếu đã được bán ở New York thì chúng ta phải bỏ khả năng ấy đi. Anh đồng ý như thế chứ?

- Từ lúc đầu chúng ta đã thỏa thuận như vậy rồi.

- Chưa bao giờ! Nếu gói hàng được ném xuống biển và những trái phiếu được bán ở New York thì gói hàng ấy không phải là trái phiếu. Có lý do gì mà chúng ta tin chắc là các tờ trái phiếu được đóng gói trong đó? Anh nên nhớ: Ridgeway chưa mở kết sắt một lần nào kể từ lúc người ta giao cho anh chiếc kết ấy từ Londres.

- Đúng, nhưng có thể là...

- Xin để tôi nói tiếp, lần cuối cùng người ta nhìn thấy những tờ trái phiếu ấy là vào sáng ngày hai mươi ba, tại Ngân hàng Londres - Ecosse. Sau đó chúng xuất hiện ở New York một tiếng đồng hồ sau khi tàu Olympia cập bến, và theo ý kiến của một người thì chúng xuất hiện ngay cả lúc tàu chưa cập bến. Giả định là trái phiếu chưa bao giờ có mặt ở trên tàu Olympia thì liệu chúng có thể tới New York bằng cách nào nữa không? Có, tàu Gigantic rồi vượt qua Đại Tây Dương. Được gửi trên tàu Gigantic, trái phiếu tới New York một ngày sớm hơn! Từ đấy, mọi cái sẽ rõ ràng và vụ việc bắt đầu tự giải thích. Gói hàng chỉ là một gói hàng giả và sự thay thế ấy cần được tiến hành nhanh chóng tại Ngân hàng ở Londres. Một trong ba người ấy dễ dàng tạo ra một gói hàng giống như gói hàng thật. Rất tốt. Nhưng trái phiếu thật được gửi cho một kẻ tòng phạm ở New York với lệnh ra là bán chúng khi tàu Olympia cập bến, nhưng phải có một người nữa đi trên tàu Olympia để tạo ra vụ mất trộm đó.

- Vì sao?

- Vì chỉ cần Ridgeway mở chiếc két đó, phát hiện đây là những trái phiếu giả, thì những nghi ngờ sẽ nảy ra ở cơ quan Ngân hàng tại Londres.. Không, con người trên tàu, trong cabin, bên cạnh cabin của Ridgeway, đã làm công việc của mình. Người ấy định phá ổ khóa để lôi kéo sự chú ý đến một tên kẻ trộm đáng ngờ, sau đó mở chiếc két bằng chiếc khóa thứ hai, ném gói hàng xuống biển và đợi đến phút cuối cùng để rời khỏi tàu. Tất nhiên hắn đeo kính để che con mắt bị hỏng vì hắn không muốn gặp Ridgeway. Hắn xuống New York để trở về ngay bằng chuyến tàu đầu tiên gặp được.

- Nhưng hắn là ai?

- Cái người giữ một trong ba chiếc chìa khóa, người đi mua ổ khóa và người chưa bao giờ bị sưng phổi tại nhà hắn ở nông thôn... cuối cùng đó là lão già "thô lỗ", ông Shaw! Nhiều khi kẻ phạm tội lại là những người giữ chức vụ quan trọng, anh bạn ạ. À! chúng ta tới nơi rồi... Thưa cô, tôi đã thành công. Xin phép cô!

Và hôn hờ, anh đặt một nụ hôn nhẹ lên má của cô gái đang quá đỗi ngạc nhiên.